

Dưới đây là tài liệu mà mình tìm kiếm và tổng hợp lại để phù hợp với việc ôn thi ĐGNL cho các bạn. Có 1 lưu ý quan trọng là các bạn nhớ đọc kỹ SGK, trong lúc đọc tài liệu cần kết hợp đọc tác phẩm trong SGK nhé. Chúc các bạn ôn thi thật tốt nha^^.

1. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

1. Tác giả: Chủ tịch Hồ Chí Minh (Bác thì mọi người biết hết rồi nha, ai không biết thì phải xem lại bản thân mình đi nhớ^^)

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh ra đời

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Phát xít Nhật, kẻ đang chiếm đóng nước ta đầu hàng đồng minh. Ngày 19/08/1945, nhân dân ta giành được chính quyền trên cả nước
- Ngày 26 – 8-1945, tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Hồ Chí Minh soạn thảo Tuyên ngôn độc lập
- Ngày 2 -9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước VNDCCH.

b. Bố cục (3 phần)

- Phần 1 (từ đầu đến “không ai chối cãi được”): Nêu cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn. (nguyên lí chung của bản Tuyên ngôn độc lập)
- Phần 2 (tiếp đó đến “phải được độc lập”): Tố cáo tội ác của giặc và khẳng định cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta (cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn)
- Phần 3 (còn lại): lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc

c. Nội dung chi tiết

1. Cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn

- Bác dẫn hai bản tuyên ngôn: Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ (1776); Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp (1791)

=> Hai bản tuyên ngôn được cả thế giới thừa nhận, là chân lí không ai có thể chối cãi. Việc trích dẫn ấy có giá trị sâu sắc. Bác tỏ ra trân trọng những danh ngôn bất hủ để chặn đứng âm mưu trở lại xâm lược nước ta của thực dân Pháp.

- **Người trích dẫn lời bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ:** “Tất cả mọi người...hạnh phúc”. Bác rất linh hoạt khi kết hợp với ý kiến của mình “suy rộng ra câu ấy có nghĩa là...”

=> Từ khẳng định quyền con người, Bác đã chuyển nhanh sang quyền của các dân tộc “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”

- Người trích dẫn bản Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp: “Người ta sinh ra....quyền lợi”.

•Người khẳng định: “đó là lẽ phải không ai có thể chối cãi được”.

=> Bác xoáy sâu vào quyền bình đẳng mọi mặt của con người. Con người hiểu theo nghĩa không phân biệt chủng tộc, màu da, tổ quốc. Vậy có lí do gì Pháp xâm lược Việt Nam?

•Bác dẫn lời cha ông họ. Ông cha họ đã từng khẳng định, từng tuyên ngôn hùng hồn đanh thép. Có lẽ nào chúng lại vô tình đi ngược lại và phản bội lời lẽ của ông cha chúng? Đây chính là phương pháp luận của Bác, là nghệ thuật “**gậy ông đập lưng ông**” khôn khéo và tế nhị.

- Cách lập luận của tác giả vừa khôn khéo vừa kiên quyết. Cách lập luận ấy khôn khéo bởi vì:

•Thu hút sự chú ý của dư luận. Dẫn Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ, Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp chính là biểu hiện của sự mở ra, hoà vào đời sống cộng đồng thế giới của dân tộc. Chỉ mới đây thôi, dân tộc còn nô lệ, đất nước còn chưa có tên riêng (mang tên xứ An Nam thuộc Pháp), xã hội còn là xã hội phong kiến thuộc địa cũ kĩ, tù đọng. Hôm nay chúng ta đã là nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đứng giữa nhân loại trên thế giới. Những nội dung, khí phách như thế đã cất lên, vang động khắp hoàn cầu.

•Gợi lại cho người Mỹ và người Pháp nhớ lại những hoàn cảnh tương tự như Việt Nam. Mấy trăm năm trước người Pháp lật đổ chế độ quân chủ, người Mỹ đánh đuổi thực dân, mấy trăm năm sau, người Việt cùng một lúc đánh đổ cả chế độ phong kiến và chế độ thực dân, cùng chung khát vọng độc lập tự do như người Mỹ người Pháp...

•=> **Vừa nhắc nhớ, vừa có ý đặt ngang hàng cuộc cách mạng tháng Tám của ta với hai cuộc cách mạng của Pháp và Mỹ.** Quả thật hai cuộc cách mạng nói trên mở ra một giai đoạn mới trong sự phát triển của lịch sử xã hội loài người thì cuộc cách mạng tháng Tám của ta cũng mở ra một kỷ nguyên mới. Đó là kỷ nguyên dành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa, là kỷ nguyên sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.

- Hồ Chí Minh muốn khẳng định chân lí lịch sử và niềm tự hào dân tộc, khẳng định tầm vóc thời đại của cuộc Cách mạng tháng Tám.

- **Lập luận chặt chẽ, khéo léo và sáng tạo:** từ quyền con người (tự do, bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc), “suy rộng ra” là quyền tự do bình đẳng của mọi dân tộc trên thế giới.

2. Bác vạch tội cũng là tranh luận ngầm với thực dân Pháp. (Cơ sở thực tiễn của Tuyên ngôn độc lập)

a. Bản Tuyên ngôn đã dựng lên bản cáo trạng đanh thép về tội ác của thực dân Pháp.

+Chúng kẻ công "khai hoá" Việt Nam nhưng thực chất chúng thi hành nhiều chính sách dã man về chính trị, văn hóa – xã hội – giáo dục và kinh tế. Đặc biệt áp bức đẩy dân tộc ta tới nguy cơ diệt chủng trong nạn đói 1945 .

+ Chúng kẻ công "bảo hộ" Việt Nam nhưng thực chất là chúng đã dâng Đông dương hai lần cho Nhật.

+ Chúng nhân danh Đồng minh trở lại Việt Nam >< thực chất chúng phản bội Đồng minh, đầu hàng Nhật, khủng bố Việt minh là lực lượng đứng trong phe Đồng minh đánh Nhật.

+ Chúng nêu lên những ràng buộc về mặt pháp lí của Việt Nam với Pháp bởi những hiệp ước này khác thì bản tuyên ngôn khẳng định từ 1940, Việt Nam là thuộc địa của Nhật và Việt minh đã giành lại chủ quyền cho dân tộc mình từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp. Như thế mọi ràng buộc có tính pháp lí trên đã bị huỷ bỏ.

- **Về nghệ thuật:** Lời lẽ của Bác cụ thể, dẫn chứng rõ ràng, lời văn có hình ảnh, lời văn vừa súc tích vừa truyền cảm

b. Công cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta

- Từ mùa thu năm 1940, nhân dân ta đã đứng lên chống ách nô lệ hơn 80 năm của Pháp. Nhân dân đã nổi dậy giành chính quyền khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh.

- Nhân dân lật đổ xiềng xích của Thực dân và Phát xít xóa chế độ quân chủ lập hiến. Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được khai sinh.

-**Nghệ thuật:** Điệp cấu trúc “chúng + hành động” nhằm nhấn mạnh tội ác của Pháp.

3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ chủ quyền dân tộc.

- Khép lại bản tuyên ngôn Bác trình trọng tuyên bố: “Nước VN có quyền...ây”

+ Thực tế Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập bởi vì chính nhân dân Việt Nam chứ không phải ai đã đứng về phe đồng minh chống phát xít: “Một dân tộc đã gan góc chống ách đô hộ của thực dân Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít Nhật suốt mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập”.

⇒ Những câu văn hào hùng đanh thép.

+ Không những khẳng định quyền mà bản Tuyên ngôn còn khẳng định thực tế Việt Nam đã giành được độc lập. Người khẳng định: “Nước VN có quyền”, “và sự thật đã thành một nước tự do độc lập”.

⇒ Bác vừa khẳng định vừa tuyên bố công khai.

+ Người bày tỏ quyết tâm: “Toàn thể dân tộc VN quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

⇒> Bác vừa thể hiện quyết tâm lớn lại vừa như kêu gọi đồng bào cả nước đồng lòng, chung sức để giữ gìn độc lập, tự do đã giành được.

+ Bác dựa vào điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn để kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

+ Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do...”. Thể hiện quyết tâm đoàn kết giữ vững chủ quyền, nền độc lập, tự do của dân tộc.

3. Tổng kết

1. Giá trị của bản tuyên ngôn

- Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử, chính trị hết sức quan trọng và có ý nghĩa vô cùng to lớn:

+ Văn kiện ấy đã trang trọng tuyên ngôn về nền độc lập của tổ quốc Việt Nam sau một trăm năm phải sống dưới xiềng xích thực dân.

+ Văn kiện ấy còn tuyên bố sự cáo chung của chế độ quân chủ đã tồn tại mấy mươi thế kỉ.

+ Văn kiện ấy còn là phát súng mở màn cho phong trào đấu tranh giải phóng ở các nước thuộc địa trên toàn thế giới.

- Tuyên ngôn Độc lập là một bài văn chính luận mẫu mực: văn phong khúc chiết, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ danh thép, lời lẽ hùng hồn và đầy sức thuyết phục.

2. Nghệ thuật

- Là áng văn chính luận mẫu mực.

- Lập luận chặt chẽ thống nhất trong toàn bài.

- Cách sử dụng từ ngữ phù hợp, văn giàu hình ảnh, khắc sâu ấn tượng, kết hợp cảm xúc...

2. Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc

1. Tác giả Phạm Văn Đồng

- Phạm Văn Đồng (1906- 2000), là một nhà cách mạng lớn của nước ta vào thế kỉ XX

- Con đường cách mạng:

+ Tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng từ khi chưa đầy 20 tuổi

+ Từng bị thực dân Pháp bắt, kết tội và đày ra Côn Đảo

+ Đầu những năm 40 của thế kỉ XX, ông cùng một số đồng chí khác được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa cách mạng ở vùng biên giới Việt – Trung và sau đó được bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng

+ Sau cách mạng tháng Tám, ông có nhiều công hiến to lớn trong việc xây dựng và quản lí nhà nước Việt Nam: trưởng phái đoàn tham dự các hội nghị như Hội nghị Giơ-ne-voe và đảm nhiệm các cương vị Bộ trưởng bộ tài chính, Bộ trưởng bộ ngoại giao, phó thủ tướng, thủ tướng...

- Ông còn là một nhà giáo dục tâm huyết và một nhà lí luận văn hóa văn nghệ lớn
- Sự nghiệp sáng tác: các bài hát nói, bài viết sâu sắc, mới mẻ, đầy hào hứng về tiếng Việt và các danh nhân văn hóa Việt Nam như Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh...

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh ra đời

Bài viết được viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu (3-7-1888) và được đăng trên Tạp chí văn học tháng 7 năm 1963

b. Thể loại: Văn nghị luận

c. Bố cục (3 phần)

- Phần 1 (từ đầu đến “cách đây một trăm năm”): Đặt vấn đề: Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ lớn của dân tộc

- Phần 2 (tiếp đó đến “hay của Lục Vân Tiên”): Giải quyết vấn đề

+ Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước

+ Thơ văn yêu nước do Nguyễn Đình Chiểu sáng tác là tấm gương phản chiếu phong trào chống Pháp bền bỉ, oanh liệt của nhân dân Nam Bộ.

+ Truyện Lục Vân Tiên là tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu, phổ biến trong dân gian Nam Bộ

- Phần 3 (còn lại): Kết thúc vấn đề: Đời sống và sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng cho toàn dân tộc

d. Nội dung chi tiết

d.1. Phần 1: Đặt vấn đề: Nguyễn Đình Chiểu một nhà thơ lớn của dân tộc

Vấn đề: Nguyễn Đình Chiểu phải được nghiên cứu và đề cao hơn nữa

- Hình ảnh ẩn dụ “ngôi sao”: "những vì sao có ánh sáng khác thường", "con mắt chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy". Tác giả đã so sánh văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu như những vì sao sáng trên trời khác thường mà chúng ta phải chăm chỉ nhìn mới thấy, càng nhìn càng sáng, Điều này cho thấy vẻ đẹp của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu không phải là vẻ đẹp rực rỡ, bóng bẩy hào nhoáng mà là vẻ đẹp ẩn giấu, cần chiêm nghiệm.

- Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc vì:

+ Chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của Lục Vân Tiên và hiểu tác phẩm này còn thiên lệch

+ Ít biết đến thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu

⇒ Cách đặt vấn đề độc đáo: nêu vấn đề, lí giải vấn đề, so sánh giàu hình ảnh, giàu tính hình tượng

d.2.Phần 2: Giải quyết vấn đề

• Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước

- Cuộc đời:

+ Đời sống và hoạt động của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương anh dũng

+ Cuộc đời và thơ văn của ông là một chiến sĩ hi sinh, phấn đấu vì nghĩa lớn. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn chiến đấu đánh thẳng vào giặc ngoại xâm.

→ Tác giả nhân mạnh khí tiết của người chí sĩ yêu nước

- Quan niệm sáng tác:

+ Học theo Khổng Tử: thơ văn thể hiện thái độ rõ ràng

+ Thơ văn thể hiện tư tưởng đạo đức nhân nghĩa

+ Dùng văn học làm vũ khí chiến đấu

→ Quan niệm văn học hết sức mới mẻ, tiến bộ

• Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu

- Hoàn cảnh lịch sử nước ta trong 20 năm trời sau năm 1860:

+ Pháp xâm lược, nhà Nguyễn đầu hàng, nhân dân đứng lên chống Pháp bị thất bại

+ Phạm Văn Đồng đặt những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong hoàn cảnh lúc bấy giờ - ông phản ánh trung thành những đặc điểm bản chất của giai đoạn lịch sử, làm sống lại phong trào kháng Pháp bền bỉ và oanh liệt...

→ Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu ra đời và phát triển trong hoàn cảnh đó. Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương phản chiếu một thời đại, Văn chương của Nguyễn Đình Chiểu tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của thời đại

- Đặc sắc thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:

+ Tái hiện lại một thời đau thương và khổ cực nhưng vô cùng anh dũng của dân tộc

+ Phần lớn là những bài văn tế: ngợi ca những nghĩa sĩ dũng cảm, than khóc cho những anh hùng thất thế; ra đời trong thời kì khổ nhục và có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ cho cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp.

+ Bài “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”: lần đầu tiên trong văn học xuất hiện tác phẩm xây dựng hình tượng người nghĩa sĩ xuất thân từ nông dân với những phẩm chất cao đẹp

+ Bài “Xúc cảnh”: những đóa hoa, hòn ngọc đẹp tạo nên diện mạo phong phú cho vẻ đẹp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

- Nghệ thuật: lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh, ngôn ngữ trong sáng...

• Tác phẩm Lục Vân Tiên

- Phạm Văn Đồng cho thấy Truyện Lục Vân Tiên là “ một bản trường ca ca ngợi chính nghĩa, ...”

- Là tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu và phổ biến trong dân gian:

+ Mang tư tưởng đạo đức gần gũi với nhân dân, là bản trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý ở đời

+ Kể chuyện nôm na, dễ hiểu, dễ nhớ

- Hạn chế của tác phẩm:

+ Những luận lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi đã lỗi thời, có chỗ lời văn không hay lắm

+ Hạn chế không cơ bản

→ Đánh giá tác phẩm toàn diện, cách lập luận đôn hậu

d.3. Phần 3: Kết thúc vấn đề: Đời sống và sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng cho cả dân tộc

- Khẳng định, ngợi ca, tưởng nhớ Nguyễn Đình Chiểu

- Bài học về mối quan hệ giữa văn học – nghệ thuật với đời sống, về sứ mệnh của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tư tưởng

⇒ Cách kết thúc vấn đề ngắn gọn nhưng có ý nghĩa gợi mở, gợi sự đồng cảm trong lòng người đọc

3. Tổng kết

a. Nội dung

- Làm sáng tỏ mối liên hệ khăng khít giữa thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu với hoàn cảnh của Tổ quốc lúc bấy giờ và với thời đại hiện nay.
- Đồng thời, tác giả hết lời ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu, một người trọn đời dùng cây bút làm vũ khí chiến đấu cho dân, cho nước, một ngôi sao sáng trong nền văn nghệ của dân tộc Việt Nam.

b. Nghệ thuật

- Bố cục rõ ràng, mạch lạc
- Có cách nhìn mới mẻ, lập luận chặt chẽ, logic ,kết hợp chặt chẽ - Hình ảnh, ngôn ngữ đặc sắc
- Kết hợp hài hoà giữa nghị luận với biểu cảm lý lẽ và tình cảm, giàu sức biểu cảm
- Luận điểm rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu, vừa tác động đến lý trí lại thấm sâu vào tình cảm người đọc, tạo nên sức thuyết phục lớn.

3. TÂY TIẾN

1. Tác giả Quang Dũng

- Sinh ra ở Hà Tây, sống chủ yếu và mất ở Hà Nội.
 - Ông là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ vẽ tranh, viết văn, làm thơ, soạn nhạc... nhưng thành công nhất vẫn là thơ ca.
 - Quang Dũng là nhà thơ trưởng thành trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông tham gia kháng chiến và từng làm đại đội trưởng đoàn quân Tây Tiến .
 - Ông có một hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn, lịch lãm và tài hoa.
 - Tác phẩm tiêu biểu :
- + Truyện: “Mùa hoa gạo, rừng biên quê hương ”
- + Thơ: “Mây đầu ô ...”, “Tuyển tập thơ văn Quang Dũng

2. Tác phẩm

Tây Tiến: là một đơn vị bộ đội được thành lập vào năm 1947 có nhiệm vụ phối hợp với đơn vị bộ đội Lào để bảo vệ biên giới Việt Lào, đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào. Địa bàn hoạt động bao gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình, Sầm Nưa (Lào) và cả miền tây Thanh Hoá. Người lính của binh đoàn Tây Tiến bao gồm thanh niên Hà Nội, trong đó chủ yếu là học sinh sinh viên, tri thức, tiểu tư sản Hà Thành đã gác bút nghiên xung phong ra chiến trường đánh giặc bảo vệ đất nước. Mặc dù điều kiện chiến đấu gian khổ, khó khăn, thiếu thốn bệnh tật hoành hành dữ dội nhưng các anh vẫn giữ được tâm hồn lãng mạn, hào hoa vốn có của người Hà Nội.

a. Hoàn cảnh sáng tác:

Tây Tiến sáng tác cuối năm 1948, ở Phù Lưu Chanh, Quang Dũng hồi tưởng lại về những ngày tháng ở binh đoàn Tây Tiến. Ban đầu bài thơ có tên “Nhớ Tây Tiến”, sau đổi là “Tây Tiến”.

b. Chủ đề :

Bài thơ thể hiện nỗi nhớ của tác giả về cuộc sống chiến đấu gian khổ hào hùng của người lính Tây Tiến, qua đó ca ngợi phẩm chất anh hùng, tinh thần yêu nước, giàu lòng hi sinh của những người chiến sĩ CM.

c. Bố cục:

Đoạn 1: Nỗi nhớ Tây Tiến, nhớ về thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ dữ dội khác thường vừa trữ tình, thơ mộng, đồng thời tái hiện hình tượng người lính với những chặng đường hành quân khó khăn, gian khổ

Đoạn 2: Nỗi nhớ về những cảnh sinh hoạt của người lính với đêm liên hoan văn nghệ thắm thiết tình quân dân và, vẻ đẹp của sông nước miền Tây thơ mộng

Đoạn 3: Miêu tả hình tượng người lính Tây Tiến vừa bi tráng, hào hùng nhưng cũng rất đổi hào hoa, lãng mạn

Đoạn cuối: Nhớ lời thề trước buổi lên đường, lời thề gắn bó với đoàn quân Tây Tiến và miền Tây

d. Nội dung chi tiết

Đoạn 1: Nỗi nhớ Tây Tiến, nhớ về thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ dữ dội vừa trữ tình, thơ mộng, đồng thời tái hiện hình tượng người lính với những chặng đường hành quân khó khăn, gian khổ.

• Hai câu thơ đầu mang cảm xúc chủ đạo của toàn đoạn, toàn bài- nỗi nhớ da diết, trải rộng cả không gian và thời gian mênh mông:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”

- Câu thơ mở đầu có hình thức của một câu cảm thán, khơi gợi nhiều cảm xúc của nhà thơ đã cất lên thành tiếng gọi binh đoàn của mình “Tây Tiến ơi”.

- Hai từ “xa rồi” làm cho âm điệu của câu thơ êm ái, gợi niềm lưu luyến tiếc nuối, băng khuâng.

- Điệp từ nhớ được nhắc lại hai lần như khắc sâu thêm nỗi lòng của nhà thơ.

▪ Đó là nỗi nhớ Sông Mã, con sông gắn liền với chặng đường hành quân của người lính.

▪ Đó cũng là nỗi nhớ Tây Tiến, nhớ đồng đội, nhớ bao gương mặt một thời chinh chiến.

▪ Và nỗi nhớ đó còn là “nhớ về rừng núi” . Rừng núi là địa bàn hoạt động của Tây Tiến với bao gian nguy, vất vả nhưng cũng thật trữ tình, lãng mạn.

⇒ Điệp từ “nhớ” có tác dụng làm nổi bật lên nỗi nhớ nhưng tha thiết của nhân vật trữ tình, tiếng lòng của một người chiến sĩ đối với nơi họ từng sống và chiến đấu.

▪ Đặc biệt tình cảm ấy được Quang Dũng thể hiện bằng ba từ “Nhớ chơi vui”. “Nhớ chơi vui” là nỗi nhớ thường trực, triền miên, khắc khoải, khiến con người nhưng nhớ khôn nguôi.

• Sáu dòng thơ tiếp theo là nỗi nhớ về rừng núi Tây Bắc hiểm trở, hoang sơ, hùng vĩ, con đường hành quân gian khổ, đầy hiểm nguy của những người lính giữa núi rừng miền Tây

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

- Thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hiểm nguy nhưng không ngăn nổi bước chân người lính.

▪ Nhà thơ đã khơi gợi những nỗi nhớ về những địa danh vùng rẻo cao Tây Bắc với muôn trùng hiểm nguy. Mảnh đất Tây Bắc trở nên xa xôi, hoang vu với những địa danh xa lạ: sông Mã, Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu... từng in dấu chân người chiến sĩ.

▪ Chặng đường hành quân của người lính trở nên khó khăn hơn bởi thời tiết khắc nghiệt, thất thường.

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi”

Trên đỉnh Sài Khao, sương dày đến độ “lấp” cả đoàn quân. Sương bao phủ dày đặc tưởng chừng như nuốt chửng cả một đoàn quân, khiến cho bước chân của đoàn binh Tây Tiến mệt mỏi rã rời. Những màn sương dày đặc phủ kín và đè lấp lên những đôi vai mỏi mệt sau ngày dài hành quân.

▪ Mảnh đất hồn thiêng núi sông ấy có địa hình vô cùng hiểm trở, thử thách sức lực và tinh thần của những người lính:

“Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

Dưới ngòi bút của Quang Dũng, con đường hành quân mở ra với biết bao nhiêu khó khăn gian khổ.

Đường đi toàn dốc cao, vực thẳm được diễn tả với nhiều từ láy tạo hình:

- “khúc khuỷu” con đường gồ ghề, gập ghềnh, uốn lượn, quanh co cản trở bước chân người lính tựa như chuỗi dài khó khăn.
- “thăm thẳm” độ cao chót vót, độ sâu hun hút của địa hình.

- “heo hút” hoang vu, lạnh lẽo của núi rừng. Con đường ấy không chỉ vừa cao vừa hun hút mà còn hiu hắt và vắng lặng đến vô cùng.
- Câu thơ “Heo hút cồn mây súng ngửi trời” sử dụng *phép nhân hóa* “súng ngửi trời” làm hiện lên hình ảnh: núi cao heo hút, mây nổi thành cồn trên đỉnh núi, người lính đi trên đỉnh núi mà như đi trên mây. Mũi súng đeo sau vai như chạm đến trời xanh “ngửi trời”. Thật là một hình ảnh ngạo nghễ, có chút gì rất hóm hỉnh đùa vui kiêu lính.
- “Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”.
Hết lên lại xuống, xuống thấp lại lên cao, đèo nối đèo, dốc tiếp dốc, không dứt. Câu thơ được tạo thành hai vế tiểu đối: “Ngàn thước lên cao // ngàn thước xuống” như bị bẻ đôi, diễn tả con dốc với chiều cao, sâu rộng ngợp: nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm.
 - ⇒ Cuộc sống hành quân vất vả, gian khó, hi sinh nhưng họ không hề nản chí.
- **Với một tâm hồn lãng mạn của người chiến sĩ Quang Dũng, Tây Bắc còn hiện lên với nét đẹp thơ mộng, trữ tình**
 - Không gian lãng mạn bởi nét đẹp “Mường Lát hoa về trong đêm hơi”.
 - *Biện pháp nhân hoá* “hoa về” khiến cho thiên nhiên tạo vật trở nên sống động và có hồn. Hình ảnh “hoa về” khơi gợi những suy nghĩ trong lòng người đọc: đó có thể là ngàn hoa của núi rừng Tây Bắc hay là hình ảnh của những ánh đuốc bập bùng của người chiến sĩ trên đường hành quân.
 - Từ “đêm hơi” đã lột tả vẻ đẹp yên tĩnh và bí ẩn nơi rừng núi hoang vu.
 - ⇒ Hình ảnh con đường hành quân của những người lính Tây tiến vừa khắc nghiệt khó khăn gian khổ lại vừa thị mộng, bay bổng tươi đẹp yêu đời.
 - Câu thơ “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi” đã mở ra khung cảnh bao la rộng lớn của núi rừng với những nét huyền diệu của thiên nhiên tạo vật.
 - Nhà thơ hoàn toàn sử dụng thanh bằng khiến thanh điệu, âm thanh trở nên nhẹ nhàng, dịu dàng, êm ái, tha thiết hơn.
 - ⇒ Một khung cảnh thơ mộng, bình yên được mở ra trước mắt người đọc như xoa dịu những khó khăn vất vả của người lính trẻ. Đó là cảnh một ngôi nhà của đồng bào dân tộc thiểu số thấp thoáng bồng bềnh trong làn mưa rừng, sương núi.
- **Bốn câu thơ tiếp theo, nhà thơ miêu tả sự hi sinh gian khổ của người lính đồng thời tô đậm thêm sự dữ dội của chốn đại ngàn. Chặng đường hành quân còn ẩn chứa nhiệm hiểm nguy bởi thú dữ và thác dữ:**

“Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời !
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”

- Người lính Tây Tiến trong cuộc hành quân gian khổ ấy đã có người ngã xuống vì kiệt sức “Anh bạn dãi dầu không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời”.

- “Dãi dẫu” là dầm mưa dãi nắng, vất vả khó nhọc.
- “Không bước nữa” là kiệt sức.
- “Gục lên súng mũ” là ngã xuống.
- “Bỏ quên đời” là hi sinh, mất mát.

⇒ Nghệ thuật nói giảm nói tránh đã làm cho câu thơ giảm đi đau thương mà thay vào đó là sự bi tráng, hào hùng. Người lính ra đi mà như đi vào giấc ngủ bởi họ đã khoác lên mình đôi cánh của lý tưởng “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”.

- Gian khổ không chỉ là núi cao dốc thẳm, không chỉ là mưa lũ thác ngàn mà còn có tiếng gầm của cọp beo nơi rừng thiêng nước độc, nơi đại ngàn hoang vu:

“Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mùng Hịch cọp trêu người”

▪ *Biện pháp nghệ thuật nhân hoá* “thác gầm thét”, “cọp trêu người” khơi gợi những âm thanh ghê rợn, đặc trưng của rừng già, đem lại cảm giác hãi hùng cho con người.

▪ *Biện pháp nghệ thuật tương phản, đối lập kết hợp với điệp từ* “chiều chiều”, “đêm đêm” có tác dụng làm nổi bật lên sự nguy hiểm, chết chóc luôn rình rập người lính ở mọi thời điểm

⇒ Như vậy thiên nhiên Tây Bắc không chỉ hùng vĩ, hiểm trở, dữ dội mà còn bí ẩn và đầy nguy hiểm rình rập. Và cũng bởi sống và chiến đấu trong hoàn cảnh gian khổ như vậy nên đòi hỏi người lính Tây Tiến phải gan dạ, dũng cảm, can trường.

• Hai dòng thơ cuối: Sau chặng đường dài hành quân mỏi mệt, các chiến sĩ có dịp dừng chân lại ở bản làng Mai Châu cùng với bữa cơm ấm nồng nghi ngút khói, nếp xôi thơm lừng cả xóm thôn:

“Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”

- Trong hàng trăm hàng nghìn nỗi nhớ Quang Dũng đặc biệt dành một phần trái tim mình cho đất Mai Châu khi bước vào mùa mới. Quên sao được cảm giác ấm tình quân dân bên các bản làng khi dừng chân ngơi nghỉ.

- “Nhớ ôi!” từ cảm thán mang tình cảm dạt dào. Sau một thời gian dài hành quân vất vả giữa núi rừng phải chịu đói, chịu khát. Nay các anh được đồng bào tiếp đón bằng “cơm lên khói” cùng mùi hương “thơm nếp xôi” thật là ấm lòng. Chính nơi đây, mọi khó khăn gian khổ như bị đẩy lùi mà thay vào đó là niềm lạc quan và tình thơ đong đầy.

Đoạn 2: Miêu tả đêm văn nghệ thắm thiết tình quân dân và cảnh sông nước miền tây thơ mộng

• Bốn dòng thơ đầu: Cảnh đêm liên hoan văn nghệ

“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa

Kìa em xiêm áo tự bao giờ

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”

**Có người cho rằng đây là đêm liên hoan văn nghệ của bộ đội có đồng bào địa phương đến góp vui. Nhưng lại có người cho rằng đây là những người lính Tây Tiến đóng giả hoá trang thành những cô gái để cùng múa vui trong đêm liên hoan văn nghệ nhằm vợi bớt đi những gian khổ hi sinh của cuộc đời người lính. Dù hiểu theo cách nào thì câu thơ vẫn ngợi lên vẻ đẹp tâm hồn lạc quan cách mạng của người lính Tây Tiến.*

- Ở câu thơ đầu tiên ta cảm nhận không khí vui tươi phấn khởi của đêm sinh hoạt “Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa”

▪ Từ “bừng lên” gợi về một không gian tràn ngập ánh sáng, lung linh với niềm vui lan toả, không khí tung bừng, rộn rã, vui tươi, phấn khởi.

▪ Hình ảnh “đuốc hoa” chỉ ngọn nến thấp trong phòng tân hôn của những cặp uyên ương. Qua đó thể hiện sự yêu đời, bay bổng, lãng mạn của nhà thơ Quang Dũng. Những ngọn nến trong đêm liên hoan trở thành hội đuốc hoa thật lãng mạn, chât chứa bao khát khao hạnh phúc.

- Những câu tiếp theo miêu tả hình ảnh trung tâm trong đêm liên hoan văn nghệ là nhân vật em, người thiếu nữ Tây Bắc:

“Kìa em xiêm áo tự bao giờ“

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”

▪ Hai chữ "Kìa em" thể hiện tâm trạng ngạc nhiên, sung sướng, lời trầm trồ khi chợt nhận ra vẻ đẹp của những bóng hồng sơn cước, những thiếu nữ Tây Bắc. Đằng sau hai chữ "kìa em" ta như thấy cả những nụ cười, những ánh nhìn tinh nghịch của những chàng lính trẻ hồn nhiên, yêu đời

▪ Người lính Tây Tiến không biết “tự bao giờ” mà những cô gái vùng cao đã mang lên mình bộ xiêm y lộng lẫy điểm tô không gian thêm rực rỡ sắc màu. Những nàng thơ trẻ trung, xinh đẹp ấy còn mang dáng vẻ e ấp, thẹn thùng với những điệu múa đặc trưng của vùng cao Tây Bắc để nhiều thương nhớ trong trái tim của những chàng trai đôi mươi.

▪ Quang Dũng đã tập trung khắc hoạ đêm liên hoan văn nghệ bằng ánh sáng, âm thanh, điệu múa, tiếng kèn... tất cả đã làm nổi bật lên không khí tung bừng, náo nhiệt, rộn rã thấm thiết tình quân dân.

▪ Câu thơ cuối bộc lộ tâm hồn lãng mạn rất đặc trưng của người lính Tây Tiến: các anh hoà mình vào trong đêm hội, liên hoan văn nghệ, say đắm trước vẻ đẹp của con người, văn hoá nơi đây:

“Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”.

• **Bốn dòng thơ sau: Cảnh sông nước Tây Bắc mênh mang thơ mộng, huyền ảo**

“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”

- Hình ảnh “chiều sương” gợi lên một không gian huyền ảo mơ màng, sương giăng mắc khắp núi rừng Tây Bắc. Chiều sương mù huyền ảo ấy là phong nền cho những nỗi nhớ nhung, lưu luyến thêm sâu sắc. Buổi chiều là thời điểm gợi buồn, chiều sương lại càng buồn hơn nên sự chia tay càng khiến lòng người buồn thấm thía và sâu lắng.

- Biện pháp nghệ thuật nhân hoá “hồn lau” khiến cho những cành lau trở nên sống động giữa rừng núi Tây Bắc.

- Cụm từ “nẻo bến bờ” tô đậm thêm hoang vắng, đìu hiu, lạnh lẽo của không gian.

- Điệp khúc “có nhớ”, “có thấy” làm cho hai câu thơ dâng trào nỗi nhớ nhung tha thiết.

- “Độc mộc” là con thuyền làm từ thân cây gỗ lớn và dáng người trên độc mộc khơi gợi nhiều cách hiểu: có thể là những cô gái Mèo, những cô gái Thái chèo thuyền đưa bộ đội vượt sông; cũng có thể hiểu những người lính Tây Tiến trên những con thuyền vượt thác dữ.

⇒ Cho dù hiểu theo cách nào thì âm điệu hào hùng, khoẻ khoắn của câu thơ cũng khiến ta cảm nhận được vẻ đẹp chắc nịch, tự tin của con người giữa thiên nhiên Tây Bắc. Hình ảnh thiên nhiên và con người sóng đôi bên nhau tạo nên tổng thể thật đẹp và ấn tượng.

⇒ Biện pháp tu từ nhân hoá “hoa đong đưa” làm nổi bật sự quyến luyến, bịn rịn của thiên nhiên đối con người. Những đoá hoa rừng trôi trên dòng nước tạo sự nhẹ nhàng, thơ mộng như đang luyến lưu những người lính.

Đoạn 3: Hình tượng người lính Tây Tiến

• Những chiến sĩ Tây Tiến mang dáng vẻ oai phong凛冽:

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.”

Viết về người lính Quang Dũng không né tránh những gian khổ hy sinh chỉ có điều hiện thực không được miêu tả một cách trần trụi mà được nhìn qua cảm hứng lãng mạn.

- Hai câu thơ đầu thể hiện cái nhìn trực diện về hiện thực khốc liệt của cuộc kháng chiến hiện lên trên ngoại hình kì dị của người lính Tây Tiến: đầu các anh trọc lóc, da dẻ xanh xao, thân hình gầy gò, tiêu tụy vì sốt rét, bệnh tật, đói khổ và thiếu thốn.

- Nhà thơ đã sử dụng những nét tả thực, lạ hoá, gân guốc để làm nổi bật hiện thực khắc nghiệt của điều kiện chiến đấu.

- Từ Hán Việt “đoàn binh” tạo cho câu thơ có sắc thái trang trọng, mang âm hưởng hào hùng và gợi ấn tượng về một lực lượng đông đảo và hùng hực khí thế chiến đấu.

- Cụm từ “không mọc tóc” đã cho ta thấy sự ngang tàng của người lính, nó thể hiện cách chủ động lừng lững trước được mọi khó khăn gian khổ. “không mọc tóc” có nghĩa là không cần mọc tóc chứ không phải là tóc không thể mọc được vì bị sốt rét rừng. Cách nói này đậm chất lính, mang khẩu khí chiến sĩ Tây Tiến.

- Hình ảnh ẩn dụ “Quân xanh màu lá” có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau: người lính xanh xao bởi đói khổ và sốt rét rừng hoặc đó là màu xanh của lá cây dùng ngụ ý trang, phục kích kẻ thù.

- Cụm từ “dữ oai hùm” như xóa tan tất cả sự đau thương và làm cho bức tranh dung người lính trở nên bi tráng bởi khí thế của chúa tể sơn lâm hùng dũng. Qua cái nhìn lãng mạn, người lính hiện lên như mảnh hổ ngự trị giữa chốn rừng thiêng; dù thiếu thốn, bệnh tật đói khổ, sức mạnh tinh thần của họ vẫn làm cho kẻ thù phải khiếp sợ.

- *Quang Dũng đã vừa thể hiện sự đồng cảm vừa ca ngợi người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp.*

- Thủ pháp đối lập tương phản được sử dụng một cách triệt để. Đối lập giữa ngoại hình ốm yếu, xanh xao, tiêu tụy của người lính Tây Tiến lại mang sức mạnh bên trong làm chủ núi rừng, thiên nhiên, chủ động trong mọi tình thế, chiến thắng mọi khó khăn thử thách, vượt lên sự khắc nghiệt của thiên nhiên.

• Tâm hồn người lính cũng mang một vẻ đẹp lãng mạn

“Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”

Lính Tây Tiến phần đông xuất thân từ học sinh, sinh viên Hà thành. Chính vì vậy mà trong cuộc sống kháng chiến gian khổ nhưng những con người ra đi từ trường xưa phố cũ trong tâm hồn vẫn mang nhiều mộng và mơ.

- *Họ mộng chiến công truy kích giặc qua biên giới Việt – Lào.* “Mắt trừng” là để hướng về phía kẻ thù mài sắc tinh thần cảnh giác, quyết tâm chiến đấu. Điềm nhìn “gửi mộng qua biên giới” thể hiện khát vọng độc lập tự do, hòa bình của những người chiến sĩ trẻ.

- *Họ mơ về Hà Nội “Dáng kiều thơm”,* chữ “thơm” trong câu thơ là đồng nghĩa với sắc nước hương trời. Đó có thể là bóng của người thiếu nữ Hà Nội duyên dáng dịu dàng, hay có thể là dáng vẻ của một Hà Nội thanh lịch, hào hoa, nơi mà những người lính Tây Tiến đã có biết bao kỉ niệm.

⇒ Nỗi nhớ ấy khiến người chiến sĩ có thêm động lực, vững chắc niềm tin và luôn sôi nổi tinh thần chiến đấu. Tác giả đã thể hiện một cách trọn vẹn và sâu sắc sự lãng mạn, hào hoa của người lính Tây Tiến, một vẻ đẹp làm sáng bừng cả không gian đang u tối lúc bấy giờ

• **Vẻ đẹp lãng mạn và bi tráng của người lính Tây Tiến còn được thể hiện qua tư thế lên đường vì lý tưởng và sự hy sinh cao đẹp.**

“Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”

Tư thế lên đường: Người lính lên đường chiến đấu hy sinh vì lý tưởng trong Tây Tiến với tư thế chiến đấu coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

- Câu thơ “Rải rác biên cương mờ viễn xứ” gợi nhớ những hi sinh mất mát của những chiến sĩ ở nơi biên ải xa xôi.

- Từ “rải rác” miêu tả những năm mờ vô danh của những người lính đã chiến đấu anh dũng ở nơi phương xa xứ lạ. Những năm mờ nơi rừng sâu không người hương khói, ít người qua lại gợi lên sự buồn ngùi thương cảm xót xa.

- Hàng loạt các từ Hán Việt được sử dụng trong câu thơ: “biên cương”, “mờ viễn xứ” làm cho câu thơ tăng thêm sự cổ kính, trang trọng và giảm bớt cái sự đau thương, mất mát.

⇒ Nhà thơ đã nhìn thẳng vào hiện thực thảm khốc của chiến tranh, miêu tả hi sinh mất mát nhưng ngòi bút của Quang Dũng không hề nhấn chìm người đọc vào sự bi lụy, thê lương. Bằng cách nói hùng tráng đã khiến sự đau thương dường như được vơi đi phần nào.

- Câu thơ “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh” tập trung thể hiện lý tưởng sống cao đẹp của người lính Tây Tiến

- Hai chữ “chẳng tiếc” đặt giữa câu thơ nói lên thái độ thanh thản dứt khoát, hoàn toàn tự nguyện của những con người quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.

- Đời xanh gợi tuổi trẻ với bao hoa mộng, hy vọng nhiều là thế, đẹp là thế, đáng yêu là thế mà sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc.

⇒ Cái bi thương bị át đi bởi vẻ đẹp lý tưởng cao đẹp ấy.

• Khép lại đoạn thơ là sự hy sinh bi tráng của người lính Tây Tiến

“Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

Cái chết của người lính được bao phủ bởi hào quang của cảm hứng lãng mạn và bi tráng.

- “Áo bào thay chiếu” là cách nói trang trọng hoá để giảm bớt bi thương khi đề cập đến cái chết của người lính, khiến hình ảnh của họ hiện lên như những chiến tướng thời xưa, rực rỡ trong tấm chiến bào. Trong thực tế khi người lính ngã xuống chỉ có manh chiếu rách bó tạm, thậm chí một manh chiếu che thi thể cũng không có hay không đủ, gợi lên bao niềm thương cảm xót xa trước sự ra đi thâm lặng và không trọn vẹn của đời lính.

- Nhà thơ dùng cụm từ “anh về đất” để nói giảm nói tránh, xoa dịu đau thương mất mát. Đối với người lính Tây Tiến chết chưa phải là hết, các anh về đất là về với Đất Mẹ. Tổ quốc đang giơ tay âu yếm đón người con thân yêu trở về sau khi hoàn thành nghĩa vụ lớn lao, “Các anh về đất” là để hoá thân, để vĩnh viễn với núi sông

- Sự đối lập giữa câu “Áo bào thay chiếu anh về đất” - nhẹ nhàng, thanh thản và câu “Sông Mã gầm lên khúc độc hành” - dữ dội gào thét đã làm bật lên không khí thời đại vừa đầy thương xót vừa hùng tráng vô cùng.

- Thanh âm của dòng sông Mã làm lấn át đi cảm xúc bi thương. Người lính ra đi dẫu không có tiếng kèn đưa tiễn của đám quân nhạc thì đã có khúc độc hành của dòng sông Mã - con sông Mã gắn với hành trình của đoàn binh Tây Tiến, chia sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn, mất mát, hy sinh của họ. Sông Mã đã gầm lên, tấu lên khúc nhạc hồn tử sĩ bi tráng đưa

người lính về nơi bắt tử. Đường như cả đất trời, cả quê hương đang nghiêng mình tiễn đưa người lính về nơi an nghỉ cuối cùng.

⇒ Cái chết của người lính có gợi lên sự bi thương nhưng không bi lụy, trái lại vẫn mang vẻ đẹp hào hùng tráng lệ.

Đoạn 4 Lời thề trước buổi lên đường, lời thề gắn bó với đoàn quân Tây Tiến và miền Tây

Tây Tiến người đi không hẹn ước,

Đường lên thăm thẳm một chia phôi.

Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy,

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

- Câu thơ nhắc nhớ lại ý nguyện, quyết tâm ra đi một thời của đoàn quân Tây Tiến: “người đi không hẹn ước”, còn là sự tiếc thương những đồng đội đã hi sinh “thăm thẳm một chia phôi”.

- Niềm thương, nỗi nhớ, tình cảm gắn bó của tác giả luôn gửi lại nơi đoàn quân Tây Tiến và vùng rừng núi Tây Bắc “Ai lên Tây Tiến ... / Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”

3. Tổng kết

3.1. Nội dung

a. Hình tượng thiên nhiên:

- Hùng vĩ dữ dội khác thường (phần phân tích đoạn đầu)

- Vẻ đẹp mỹ lệ thơ mộng (phần phân tích chủ yếu ở đoạn 2)

b. Hình tượng người lính : vẻ đẹp lãng mạn và bi tráng .

- Dáng vẻ oai phong凛冽 khác thường: Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc .

- Tâm hồn lãng mạn.

+ Những nhu cầu văn hóa tinh thần (đoạn nói về đêm liên hoan văn nghệ).

+ Tâm hồn nhiều mộng và mơ (Mắt trừng gửi mộng qua biên giới ...)

- Tư thế lên đường vì lí tưởng :

+ Vẻ đẹp thanh thản trước những khó khăn gian khổ, sự hi sinh (Anh bạn dãi dầu không bước

3.2. Nghệ thuật

- Quang Dũng đã sử dụng *bút pháp hiện thực kết hợp với lãng mạn* để xây dựng hình tượng người lính mang vẻ đẹp bi tráng. Sự đan xen, hoà quyện giữa nét vẽ gầy guộc, lạ hoá với mềm mại, tinh tế đã giúp cho bài thơ gây ấn tượng với độc giả.

- Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng linh hoạt: ẩn dụ, nhân hoá, đối, điệp, đảo để bộc lộ chân thực về thiên nhiên và người lính Tây Tiến.

- Sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh thơ sáng tạo, gợi hình gợi cảm

⇒ Nhà thơ đã thể hiện cái nhìn vừa chân thực vừa rất lãng mạn của một người từng là chiến sĩ và đang là nghệ sĩ khi miêu tả hình ảnh người lính Tây Tiến, khiến họ trở thành hình tượng bất diệt vượt thời gian

4. VIỆT BẮC

1. Tác giả Tố Hữu

- Nhà thơ Tố Hữu là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào thơ cách mạng Việt Nam
- Tố Hữu sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động cách mạng
- Bên cạnh là nhà thơ, Ông đồng thời là một chính trị gia. Ông từng giữ nhiều cương vị trọng yếu trên mặt trận văn hóa và trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước: ủy viên Bộ Chính trị, bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam...
 - Thơ của ông tiêu biểu cho quan niệm nghệ thuật cách mạng “thơ phải xứng đáng là người chiến sĩ xung kích trên mặt trận văn hóa tư tưởng”. Con đường thơ và con đường hoạt động cách mạng của ông có sự thống nhất, không thể tách rời. Mỗi tập thơ của ông là một chặng đường cách mạng.
 - Ông sở hữu nhiều tác phẩm giá trị: “Từ ấy”, “Ra trận”, “Máu và Hoa”, “Ta với ta”... đặc biệt là bài thơ “Việt Bắc” - lời tổng kết chiến tranh qua những năm tháng gian khổ mà hào hùng.
 - Phong cách thơ Tố Hữu:

+ Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình – chính trị

+ Thơ Tố Hữu thiên về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn

+ Thơ Tố Hữu có giọng tâm tình, ngọt ngào

+ Thơ Tố Hữu mang tính dân tộc đậm đà

⇒ Thơ Tố Hữu là tấm gương phản chiếu tâm hồn một người chiến sĩ cách mạng suốt đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai tươi đẹp của dân tộc, cuộc sống hạnh phúc của con người.

2. Tác phẩm (là 1 đoạn gồm 92/150 trong bài thơ)

▪ Thể thơ: lục bát

▪ Hoàn cảnh sáng tác

- Việt Bắc là khu căn cứ địa cách mạng thành lập năm 1940 sau khởi nghĩa Bắc Sơn bao gồm sáu tỉnh gọi tắt là Cao – Bắc – Lạng – Thái – Tuyên – Hà. Nơi đây cán bộ chiến sĩ và người dân Việt Bắc đã có 15 năm gắn bó keo sơn nghĩa tình.

- Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Tháng 7/ 1954 , hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết. Hòa bình lập lại, miền Bắc được giải phóng và đi lên xây dựng CNXH một trang sử mới của đất nước mở ra.

- Tháng 10/ 1954 , TW Đảng và Chính phủ rời Việt Bắc về Hà Nội, những người kháng chiến (trong đó có Tác giả Tố Hữu) từ căn cứ miền núi về miền xuôi chia tay Việt Bắc, chia tay khu căn cứ Cách mạng trong kháng chiến. Nhân sự kiện có tính lịch sử này Tố Hữu sáng tác bài thơ “Việt Bắc” . Bài thơ “Việt Bắc” là đỉnh cao của thơ ca kháng chiến chống Pháp.

▪ **Bố cục**

• **Phần 1:** Từ đầu tới câu 24: là nỗi nhớ của nhà thơ về cuộc chia tay, tâm trạng của kẻ ở người đi.

• **Phần 2:** Tiếp đến câu 52: Nỗi nhớ của Tố Hữu về thiên nhiên và con người Tây Bắc.

• **Phần 3:** Còn lại: Nỗi nhớ, kỷ niệm gian khổ và hào hùng của một thời kỳ kháng chiến.

Kết cấu bài thơ: theo khuôn mẫu của lối đối đáp “mình – ta” trong ca dao.

Nội dung chi tiết

d.1. Tám câu thơ đầu tái hiện cảnh chia tay giữa “mình” và “ta”

“Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn
Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm chia buổi phân ly đi
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay... ”

• **Bốn câu thơ đầu tiên là lời của người ở lại, người dân Việt Bắc nói với người ra đi – Trung ương Đảng, Chính phủ và Chiến sĩ cách mạng về xuôi:**

“Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn

▪ *Câu hỏi tu từ “Mình về mình có nhớ ta” khơi gợi về kỷ niệm kháng chiến, về quãng thời gian “mười lăm năm ấy” biết bao vui buồn gian khổ, quân và dân ta đã từng chia ngọt sẻ bùi. Câu hỏi không nhằm mục đích kiếm tìm câu trả lời mà để khơi gợi niềm nhớ nhung, tình cảm đang dâng lên trong lòng của những người ở lại thiết tha, nồng nàn.*

- Tác giả sử dụng đại từ xưng hô “mình – ta” quen thuộc của ca dao dân ca. “Mình” là người cán bộ về xuôi còn “ta” là nhân dân Việt Bắc, cách xưng hô “mình-ta” hết sức gần gũi, thân thiết.
- Cụm từ “*thiết tha mặn nồng*” : tác giả đã sử dụng ngôn ngữ của tình yêu để chỉ về tình cảm của người miền ngược và người miền xuôi, thể hiện sự gắn bó, keo sơn, sâu đậm, sâu nặng tình nghĩa thủy chung son sắt. Tình nghĩa giữa “ta” với “mình” không phải là ngày một ngày hai mà đã giao hòa, gắn kết “*thiết tha*”, “*mặn nồng*” trong suốt 15 năm trời kể từ ngày khởi nghĩa Bắc Sơn (năm 1940) đến ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng (năm 1954).

• Bốn câu thơ tiếp theo là tiếng lòng của người về xuôi mang bao nỗi nhớ thương, bịn rịn:

“Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm chia buổi phân ly đi
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”

- Từ láy “*tha thiết*” cho thấy người ra đi đã cảm nhận được tình cảm của người dân Việt Bắc nên họ cảm thấy “*bâng khuâng*”, “*bồn chồn*” trong lòng và bước đi với tâm trạng rối bời, luyến lưu.
- Đại từ phiếm chỉ “*ai*” quen thuộc trong ca dao được tác giả sử dụng để thể hiện tình cảm của người cán bộ với người dân Việt Bắc
- Hai từ láy “*bâng khuâng*” và “*bồn chồn*” góp phần diễn tả tâm tư của người ra đi, đã gợi những cảm nhận về những nỗi lưu luyến, nhớ nhung, buồn vui lẫn lộn. Vui vì sau bao năm tháng xa cách được trở về quê hương, buồn bởi phải chia tay Việt Bắc- nơi đã gắn bó với các chiến sĩ 15 năm *mặn nồng*. Việt Bắc đã trở thành một phần kỷ niệm trong cuộc đời của người ra đi.

- Cảnh chia tay giữa người Việt Bắc và người Cách mạng được tác giả tái hiện lại thật xúc động qua hai câu:

Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay

- Áo chàm là hình ảnh hoán dụ, chỉ người Việt Bắc đi đưa tiễn người cách mạng. Người dân nơi đây với màu áo chàm giản dị, mộc mạc, họ nghèo khổ lam lũ, tảo tần nhưng lại có tình nghĩa thủy chung với cách mạng và kháng chiến.
- Trong giờ khắc chia tay đầy lưu luyến, bịn rịn, tấm chân tình của kẻ ở người đi gửi qua cái bắt tay, bắt tay để chia tay. Họ “*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*”, họ không biết nói gì không phải không có gì để nói, phải chăng điều muốn nói quá nhiều, kỉ niệm quá nhiều, ân tình sâu sắc quá nên không thể nào nói hết, diễn tả hết. Vì thế mà họ chỉ biết gửi tất cả qua cái bắt tay mà lòng nghẹn ngào.

⇒ Cảnh chia tay đầy bịn rịn, lưu luyến thể hiện tình cảm sâu nặng giữa người cách mạng và người Việt Bắc. Nhưng cuộc chia tay ấy không buồn, không đắm luyến. Bởi lẽ đây là cuộc chia tay của những con người vừa làm nên chiến thắng. Đó là cuộc chia tay trong nhớ thương và cả trong niềm vui, niềm tin tưởng của ngày gặp lại.

d.2. Nỗi nhớ về kỉ niệm kháng chiến gian khổ giữa quân và dân, giữa người đi và kẻ ở.

“Mình đi có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù
Mình về có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối muối thu nặng vai
Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già
Mình đi có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đục đà lòng son
Mình về có nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật thuở còn Việt Minh
Mình đi mình có nhớ mình
Tân Trào Hồng Thái mái đình cây đa”

▪ Vì nhớ nhung nên người dân Việt Bắc mới hỏi người chiến sĩ “có nhớ những ngày”, “có nhớ chiến khu” để gợi mở kỉ niệm gắn bó của quân dân trong những năm tháng chiến đấu gian khổ và khó khăn.

▪ Điệp từ “có nhớ” thể hiện mong muốn của nhân dân Việt Bắc đối với người cán bộ: Dù đã chia xa chiến khu nhưng hãy luôn nhớ về quê hương cách mạng, nhớ về kỉ niệm gian khổ cùng nhau chia ngọt sẻ bùi.

▪ Thiên nhiên khắc nghiệt “Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù”, vật chất lại thiếu thốn nên quân dân phải cùng nhau san sẻ “miếng cơm chấm muối” nhưng rất ấm lòng,

▪ Bằng biện pháp nhân hóa, hoán dụ “rừng núi”, tác giả bày tỏ tình cảm và nỗi nhớ của người dân Việt Bắc đối với người chiến sĩ cách mạng. Người dân Việt Bắc nhắc đến sản vật núi rừng “trám bùi” và “măng mai” để gợi nhớ kỉ niệm quân dân gắn bó. Lúc những người chiến sĩ còn sinh sống và làm nhiệm vụ ở nơi đây đã từng thưởng thức chúng qua những bữa ăn hàng ngày nhưng khi họ rời đi thì thiên nhiên như cô đơn và buồn bã, thiếu sức sống “Trám bùi để rụng măng mai để già”.

▪ Hình ảnh “những nhà” chỉ những mái ấm nhỏ của người dân trở nên hiu quạnh, cô đơn. Kết hợp với đảo ngữ “hắt hiu” để đầu câu nhằm nhấn mạnh sự trống vắng, quạnh hiu của không gian; ẩn dụ cho sự nghèo khổ của nhân dân Việt Bắc đồng thời khắc sâu được nỗi nhớ thương tha thiết của người ở lại.

▪ Dù thời gian có trôi đi vội vã, những kỉ niệm dần chìm vào quá khứ thì người dân nơi đây vẫn “**đậm đà lòng son**” luôn quý mến, nhớ nhung những người chiến sĩ đã từng gắn bó với mảnh đất anh hùng, một lòng hướng về cách mạng và kháng chiến.

▪ Quên sao được Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa những địa danh đã đi vào sử sách của dân tộc, nổi nhớ vang lên gọi bao kỷ niệm khiến người đọc không cảm thấy đây là cuộc phân li, mà là nổi nhớ thắt chặt mọi người trong một kỷ ức chung đẹp đẽ.

d.3. Nổi nhớ của người ra đi với thiên nhiên và con người Việt Bắc

“Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...
Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy

Ta đi, ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gián nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...”

• Bốn câu thơ đầu là sự khẳng định của người ra đi về mối tình bền chặt với mảnh đất và con người Việt Bắc:

“Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...”

- Qua cặp đại từ “mình - ta”, người kháng chiến về xuôi khẳng định nổi nhớ về Việt Bắc giống như nổi nhớ của đôi lứa yêu nhau. Ta với mình, mình với ta hòa quyện gắn bó không gì có thể chia cắt, nhất là lòng thủy chung, nghĩa tình trước sau như một.

- Hai từ láy “mặn mà”, “đinh ninh” vừa chỉ mức độ tình cảm sâu đậm, vừa khẳng định tình cảm của người kháng chiến với Việt Bắc trước nhau như một không thay lòng đổi dạ.

- Hình ảnh so sánh “*Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...*”. “Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu” là một hình ảnh đặc sắc, “nguồn” là nơi bắt đầu vì thế lúc nào cũng đầy, ở đây được so sánh với “nghĩa tình” đã cho ta thấy tình cảm lúc nào cũng dạt dào và đọng đầy chất chứa, ko bao giờ cạn hao đi. Điều này càng khắc sâu nỗi nhớ với chiều rộng, chiều sâu, chiều xa, mênh mông, dạt dào không thể kể xiết.

⇒ Đoạn thơ là khúc hát ân tình, ân nghĩa của người kháng chiến. Dù ở trong niềm vui hiện tại cũng không quên cội nguồn. Đó là truyền thống đạo lí đẹp đẽ của dân tộc.

• **Sáu câu thơ tiếp là tiếng lòng, nỗi nhớ của những cán bộ kháng chiến về thiên nhiên, con người Việt Bắc ân tình:**

Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy

- Điệp từ ‘nhớ’ lặp đi lặp lại bốn lần, nỗi nhớ này chưa vơi thì nỗi nhớ khác lại ập đến. Mỗi lần nỗi nhớ rung lên là bao kỉ niệm ùa về, bao nghĩa tình được bồi đắp. Có thể nói nhớ thương đã trở thành điệp khúc, lực hấp dẫn để hút về tất cả kí ức hoài niệm dấu yêu.

- Hơn nữa tác giả còn so sánh nỗi nhớ ấy như nỗi nhớ “Nhớ gì như nhớ người yêu” rất độc đáo, so sánh nỗi nhớ của người chiến sĩ với nỗi nhớ của các cặp đôi khi yêu nhau. Đó là nỗi nhớ đậm thắm, còn cào, da diết hay nỗi nhớ đậm sâu, tha thiết. Sử dụng biện pháp so sánh ấy là nhà thơ đã trữ tình hóa tình cảm cách mạng, tình quân dân trở nên tha thiết, ngọt ngào... hơn bởi lẽ nỗi nhớ trong tình yêu là nỗi nhớ sâu thắm nhất trong lòng con người.

- Điệp ngữ “nhớ từng” trong đoạn thơ cho ta thấy dường như Tô Hữu đang trong cuộc hành trình trên con tàu tâm tưởng trở về với kỉ niệm, mỗi khi hai tiếng “nhớ từng” được vang lên là một lần con tàu ấy neo đậu tại một miền kí ức đọng đầy yêu thương.

- Hàng loạt những hình ảnh liệt kê: trăng, núi, nắng, khói, sương, rừng nứa, bờ tre, ngòi, sông, suối. Người chiến sĩ vẫn luôn nhớ về thiên nhiên nơi đây đã che chở bom đạn của giặc, đã làm nên “thành lũy rất dày” bảo vệ quân dân khỏi những tổn thất, tàn phá của chiến tranh

▪ Hình ảnh “trăng lên” tượng trưng cho bước đi của thời gian, đã có bao đêm trăng họ cũng chiến đấu, gác súng bên nhau? Quãng thời gian 15 năm tuy không dài nhưng cũng đủ để ánh trăng soi chiếu tâm hồn họ, là những nhân vật chứng kiến tình quân dân gắn bó keo sơn nghĩa tình

▪ Nhớ về những “bản khói cùng sương” với hơi thở con người chứa đựng trong câu thơ. Đó là những buổi chiều, người dân Việt Bắc thổi cơm, nấu

xôi với làn khói bốc lên nghi ngút. Mùi thơm ngào ngạt của cơm trắng vẫn còn nóng hổi giống như tình cảm lưu luyến quân dân dành cho nhau, luôn ấm nồng, cháy bỏng và rạo rục như thuở ban đầu.

▪ Hình ảnh “người thương” gợi sự gần gũi, thiết tha, ấm áp và gắn bó giữa người đi và kẻ ở. Phải chăng người thương đó là những người dân Việt Bắc giản dị nhưng gần gũi và ân tình.

▪ Hình ảnh “bếp lửa” xuất hiện trong câu thơ gợi nên không gian ấm cúng, chốn bình yên chờ đợi mỗi con người, đó chính là gia đình. Có lẽ, Tố Hữu đã coi nơi đây là một gia đình lớn của mình bởi vậy nên nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến với Việt Bắc nghĩa tình, tha thiết, bịn rịn biết bao nhiêu.

▪ Tác giả đã liệt kê hàng loạt địa danh nổi tiếng như ngòi Thìa, sông Đáy, suối Lê – những địa danh cụ thể gắn liền với quá khứ, với cách mạng, như là những chứng nhận cho sự kiện lịch sử và tình cảm dân quân nông hậu. không như “dòng sông lúc cạn, lúc đầy”, nỗi nhớ của người ra đi trải dài miên man vô tận, bắt tử với thời gian.

• **Mười hai câu thơ tiếp theo, nhà thơ đã tái hiện lại khung cảnh thiên nhiên và con người Việt Bắc tuy giản dị nhưng lại thấm đượm nghĩa tình.**

Ta đi, ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gián nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...”

- *Nhớ cuộc sống sinh hoạt của con người Việt Bắc:*

“Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi
Thương nhau, chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”

▪ Câu thơ “Ta đi ta nhớ những ngày” là để đáp lại câu hỏi “Mình đi có nhớ những ngày” đầy chân thành, tha thiết. Để rồi nhận được câu đáp: “Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi”.

▪ Những động từ “chia, sẻ, đắp” cùng với biện pháp tiểu đối và những hình ảnh “sắn lùi”, “bát cơm”, “chăn sui” càng tô thêm vẻ đẹp tâm hồn của những người bình dị, chất phác: dù cuộc sống còn nhiều khó khăn gian khổ nhưng họ vẫn chia ngọt, sẻ bùi, đồng cam cộng khổ với cách mạng bằng tình cảm mộc mạc mà chân thành sâu sắc

▪ “Thương nhau” thể hiện sự gắn bó thiết tha nồng nàn, thủy chung son sắt của người dân Việt Bắc và chiến sĩ cách mạng miền xuôi. Ngay cả củ sắn, bát cơm hay mảnh chăn họ cũng đều cùng nhau sẻ chia bởi lẽ trong họ chất chứa một chữ “thương”.

- *Nhớ những con người lao động gian khổ nhưng lạc quan, yêu đời:*

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ
Đong khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...”

▪ “*Nhớ người mẹ nắng cháy lưng*” hình ảnh người mẹ kháng chiến cần cù, tận tảo nuôi những người lính và nuôi dưỡng cách mạng. Vượt qua cái nắng cháy lưng, người mẹ nuôi con nhỏ vẫn địu con lên nương bẻ bắp ngô về nuôi cách mạng. Chính họ- những người mẹ Việt Nam anh hùng là những người nuôi lớn cách mạng, tạo nên đại gia đình Việt Bắc. Quả thực, cuộc sống ân tình của con người Việt Bắc đã để lại những ấn tượng, tình cảm sâu nặng trong lòng người ra đi.

▪ *Nhớ lớp học bình dân học vụ:* dưới ngọn đèn dầu leo lét, người Việt Bắc vẫn kiên trì học chữ. Họ không chỉ đương đầu chống trả với bọn ngoại xâm mà còn kiên quyết với giặc đốt. Người chiến sĩ đã đưa ra những con chữ lên bản, mở các lớp bình dân học vụ, mà thành viên không chỉ là những em nhỏ mà còn có cả cụ già. Anh chiến sĩ giờ đây trở thành thầy giáo của bản làng, góp công sức của mình để diệt giặc đốt

▪ *Người cán bộ cách mạng còn nhớ những giờ liên hoan với thiên nhiên và nhân dân Việt Bắc.* Hình ảnh “đuốc” rực sáng trong đêm khuya, chứa nhiều tầng nghĩa. Đó là ánh sáng của niềm tin, sự lạc quan xua tan đi bóng đêm nô lệ mà

dân ta đã phải gánh chịu. Đó còn có thể là ngọn đuốc chiếu sáng cho những người chiến sĩ, những đoàn dân công hành quân.

▪ Trong khó khăn, lời ca, tiếng hát vẫn vang vọng khắp núi rừng Việt Bắc: những từ “liên hoan”, “ca vang” thể hiện niềm vui, niềm tin tưởng của Việt Bắc vào cách mạng, vào Đảng, vào Bác Hồ. Dù là trong những tháng năm gian lao, cực khổ của đất nước, họ vẫn giữ thái độ lạc quan, hiên ngang.

▪ Nhớ tiếng mõ gọi trâu về làng, nhớ tiếng chày giã gạo đêm đêm

▪ Tiếng suối róc rách, ngân nga như bài ca du dương tan chậm vào lòng người. tất cả những thanh âm ấy dường như vẫn dội vào lòng tác giả tạo nên nỗi nhớ còn cao, thiết tha.

▪ Từ “nhớ” được điệp lại mười lần, điệp cấu trúc câu “nhớ sao...” tạo ra âm điệu chơi vơi, mênh mang, da diết... Tất cả bộc lộ tình cảm nhớ nhung sâu sắc của người cách mạng kháng chiến với Việt Bắc nói riêng, với nhân dân nói chung.

⇒ Tổ Hữu đã mang đến cho độc giả bức tranh thiên nhiên vừa thi vị, mộng mơ, vừa đơn sơ nghĩa tình với hình ảnh lạc quan của quân dân Việt Bắc và ân nghĩa thủy chung giữa kẻ ở và người đi.

d.4. Vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên (Bức tranh tứ bình) và con người Việt Bắc

“Ta về mình có nhớ ta,
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”

• Những nỗi nhớ nhung về “hoa” và “người”

“Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người”

- Câu hỏi tu từ cùng với điệp từ “nhớ” lấy đi lấy lại đã tô đậm nỗi nhớ nhung da diết, thiết tha của người cán bộ từng gắn bó với mảnh đất Việt Bắc. Nỗi nhớ ấy không chỉ gắn liền với “hoa” - thiên nhiên mà còn song hành với “người” – nhân dân

- Điệp từ "ta" lặp lại bốn lần cùng với âm "a" là âm mở khiến câu thơ mang âm hưởng ngân xa, tha thiết, nồng nàn, nhấn mạnh nỗi nhớ, tình cảm chân thành của người về xuôi đối với Việt Bắc.

• **Mùa đông với thiên nhiên hoang sơ, con người lao động khỏe khoắn:**

“Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”

- Nhớ mùa đông là nhớ màu xanh của núi rừng Việt Bắc, nhớ màu đỏ của hoa chuối. Sắc đỏ tươi của hoa chuối như những ngọn lửa thấp sáng rừng xanh, làm cho núi rừng Việt Bắc mùa đông không lạnh lẽo, không úa tàn mà ấm áp, tươi tắn vô cùng.

⇒ Cái tài của Tố Hữu là sử dụng gam màu nóng để vẽ bức tranh thiên nhiên Việt Bắc mùa đông thật đẹp và không thể quên.

- Nhớ mùa đông Việt Bắc còn nhớ người đi nương rẫy “dao gài thắt lưng” trong tư thế mạnh mẽ hào hùng đứng trên đèo cao “nắng ánh”, con dao của người đi nương rẫy phản quang rất gợi cảm.

- Màu “xanh” của rừng, màu “đỏ” của hoa chuối, màu sáng lấp lánh của “nắng ánh” từ con dao, màu sắc hòa hợp làm bật sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của thiên nhiên và con người Việt Bắc.

⇒ Con người Việt Bắc trong tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời trong kháng chiến.

• **Mùa xuân tràn đầy sức sống với thiên nhiên thanh khiết và con người chăm chỉ cần cù lao động:**

“Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”

- Một miền cổ tích với sắc trắng “hoa mơ” dẫn lối người đọc đến không gian bao la, thoáng mát, đẹp đến ngỡ ngàng của màu trắng tinh khôi. Sắc trắng làm bừng sáng không gian với vẻ đẹp mơ màng, bâng khuâng, dịu mát, khiến tâm hồn ta được gột rửa, muôn phiền lo âu dường như tan biến hết.

- Động từ “nở” gợi một sức sống mùa xuân lan tỏa, gợi ra một bức tranh vô cùng sống động. Câu thơ đi nhịp 2/2/2 chậm rãi theo đó từng cánh hoa mơ bung nở men theo mùa xuân, rồi dần dần lan rộng khắp núi rừng mang lại sức sống trẻ trung cho rừng già.

▪ Những người thợ thủ công ở Việt Bắc đã dùng đôi tay khéo léo của mình “chuốt từng sợi giang”. Động từ “chuốt” kết hợp với từ “từng” thể hiện sự tỉ mỉ của người lao động. Có khéo léo, cần mẫn, tỉ mỉ thì mới có thể “chuốt từng sợi giang” để đan thành những chiếc nón, chiếc mũ phục vụ kháng chiến.

▪ Người đan nón được nhà thơ nói đến tiêu biểu cho vẻ đẹp tài hoa, sáng tạo của đồng bào Việt Bắc. Qua đó nhà thơ thể hiện sự trân trọng, ngợi ca những con người lao động cần mẫn trong công việc để tận hưởng mùa xuân ấm no, hạnh phúc.

•Mùa hạ với thiên nhiên sống động, con người trẻ trung

“Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình”

- Nghệ thuật chuyển đổi cảm giác từ thính giác sang thị giác “đổ vàng”, rừng phách chuyển đổi màu sắc đột ngột tạo nên không gian sắc vàng long lanh của mùa hè.

- Một chữ “đổ” tài tình, tiếng ve kêu như trút xuống, “đổ” xuống thúc giục ngày hè trôi nhanh, làm cho rừng phách thêm vàng thiên nhiên Việt Bắc ngày hè thật tươi đẹp, sinh động.

- Tiếng ve ngân lên như một hiệu lệnh của thiên nhiên thì ngay lập tức rừng phách đổ vàng. Màu của cây phách đổ vàng cả suối ngàn dường như làm cho ánh nắng của mùa hè và cả tiếng ve kêu râm ran kia nữa cũng trở nên óng vàng ra.

- Giữa thiên nhiên ngập tràn sắc vàng, con người hiện lên với vẻ đẹp trẻ trung, tươi tắn:

“Nhớ cô em gái hái măng một mình”.

▪ Câu thơ độc đáo, giàu vần điệu, thanh điệu, giàu chất nhạc, chất thơ tạo một không gian nghệ thuật đẹp và vui, đầy màu sắc và âm thanh. Cô gái đi hái măng một mình nhưng vẫn không lẻ loi bởi cô gái ấy đang lao động giữa khúc nhạc rừng, hái măng để góp phần nuôi quân phục vụ kháng chiến.

▪ Hình ảnh thơ cũng gợi lên được vẻ đẹp chịu khó chịu thương của cô gái. “Một mình” đã thể hiện được sự cần cù, miệt mài, chủ động trong lao động đồng thời cũng gợi cả sự nguy hiểm luôn rình rập. Tuy vậy, cô gái vẫn hăng say, cần mẫn làm việc để nuôi bộ đội, nuôi kháng chiến.

▪ Hình ảnh cô gái hái măng gợi nét đẹp trẻ trung, yêu đời và hết lòng phục vụ cách mạng, phục vụ kháng chiến của con người Việt Bắc. Qua đó, ta thấy được sự gan góc, sự dũng cảm can trường của người lao động Việt Bắc và niềm cảm thông, trân trọng của tác giả dành cho họ- những người chiến sĩ trên mặt trận lao động.

•Mùa thu thanh bình

“Rừng thu trăng rọi hòa bình

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”

- Người Cách mạng về xuôi nhớ trăng Việt Bắc giữa rừng thu, trăng rọi qua tán lá rừng xanh, trăng dịu mát nên thơ, trữ tình ,... khiến lòng người ngây ngất.

- Ánh trăng mùa thu soi sáng cả cánh rừng, soi sáng một vùng đất anh hùng thời kháng chiến. Bản chất của trăng là tròn đầy biểu hiện cho sự viên mãn, ước nguyện cao đẹp và “trăng rọi hòa bình” thể hiện tâm nguyện của tác giả về sự chiến thắng quân thù, đem đến nền độc lập cho dân tộc. Nhà thơ dùng từ “rọi” rất hay và đắt, gợi cảm nhận ánh trăng rọi

khắp ngõ ngách, khắp các bản làng và chính ánh trăng ấy đang soi sáng niềm tin độc lập, mang đến niềm vui cho mọi bản làng, mọi nhà Việt Bắc.

- Nhớ người Việt Bắc : “Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung” . “Ai” là đại từ nhân xưng phiếm chỉ, “nhớ ai” là nhớ về tất cả, về người dân Việt Bắc giàu tình nghĩa thủy chung đã hy sinh quên mình cho cách mạng, cho kháng chiến.

- “tiếng hát ân tình thủy chung”: Người dân Việt Bắc luôn nặng tình với người cán bộ, những tiếng hát của họ chính là những lời tâm tình ngọt ngào mà họ muốn gửi tặng cho người ra đi. Một mùa thu thanh bình bởi ánh trăng đầy hi vọng, ngọt ngào bởi những tiếng hát thủy chung.

d.5. Khung cảnh hào hùng, sôi động, đầy khí thế của Việt Bắc trong chiến đấu và niềm vui chiến thắng của toàn dân, toàn quân.

Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng.
Ai về ai có nhớ không?
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng.
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
Nhớ từ Cao - Lạng, nhớ sang Nhị Hà...

“Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan.
Dân công đổ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”

Bao trùm đoạn thơ là những nỗi nhớ với tất cả niềm tự hào, nhớ những con đường chiến dịch, nhớ đoàn quân, nhớ dân công,..., nhớ chiến dịch, nhớ đèn pha ra trận,... Qua đó tác

giả ngợi ca sức sống mãnh liệt của đất nước, con người Việt Nam trong máu lửa chiến tranh.

• **Thiên nhiên cùng con người sát cánh đánh giặc.**

Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng.
Ai về ai có nhớ không?
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng.
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
Nhớ từ Cao - Lạng, nhớ sang Nhị Hà...

- Phép điệp: nhớ. Diễn tả nỗi nhớ sâu sắc gắn với những kỉ niệm trong những ngày Việt Bắc kẻ vai sát cánh cùng với cách mạng trong chiến đấu.

- Biện pháp nhân hóa: “Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”,... Khẳng định thiên nhiên cũng là một lực lượng kháng chiến hùng mạnh, thể hiện tình đoàn kết đặc biệt giữa thiên nhiên và con người Việt Bắc đối với Cách mạng, khẳng định tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến. Rừng mang tính chất của con người Việt Nam quả cảm và biết phân biệt địch – ta,... Tác giả nhìn thiên nhiên xuất phát từ lòng yêu nước gắn với yêu Cách mạng.

- Câu hỏi tu từ: “Ai về ai có nhớ không?” và liệt kê những địa danh thân thuộc "Phủ Thông", "đèo Giàng",... đã khẳng định nỗi nhớ thường trực, sâu sắc về những địa danh gắn liền với Việt Bắc.

• **Hình ảnh con đường Việt Bắc trong đêm kháng chiến.**

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung

- Hình ảnh “những đường Việt Bắc” vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa biểu tượng. Trước hết những hình ảnh này chỉ con đường cụ thể, những con đường có thật ở căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời hình ảnh đó còn là hình ảnh ẩn dụ của con đường cách mạng, con đường kháng chiến đầy gian khổ, thử thách của dân tộc ta.

- Các từ láy “đêm đêm”, “rầm rập”, “điệp điệp”, “trùng trùng” cùng lối so sánh “như là đất rung” đã gợi tả thật hay, thật hào hùng âm vang cuộc kháng chiến thần thánh và sức mạnh nhân nghĩa 4000 năm của dân tộc. Khí thế chiến đấu thần kì của quân dân Việt Bắc làm rung đất chuyển trời mà không một thế lực tàn bạo nào có thể ngăn cản được.

• **Sức mạnh từ sự hợp lực của quân dân và niềm lạc quan, niềm tin của quân dân trong cuộc kháng chiến gian khổ.**

Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan.
Dân công đổ đuốc từng đoàn

Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.

- Những câu thơ đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn tái hiện lại khí thế kháng chiến, ra trận của quân ta. Đoàn quân ra trận đông đảo, người người lớp lớp như sóng cuộn “điệp điệp trùng trùng”.

- Câu thơ “Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan” là một tứ thơ sáng tạo, vừa thực vừa ảo. “Ánh sao đầu súng” là ánh sao đêm phản chiếu vào nòng súng thép, ánh sao của bầu trời Việt Bắc, ánh sao lí tưởng chiến đấu vì độc lập tự do như soi sáng nẻo đường hành quân ra trận cho anh bộ đội cụ Hồ.

- Bút pháp cường điệu trong câu “Bước chân nát đá ...” tạo nên âm điệu anh hùng ca, gợi tả sức mạnh Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp. Quân ta càng đánh càng mạnh, càng mạnh thì càng thắng lớn.

- Ngọn đèn pha của đoàn xe kéo pháo, của đoàn xe vận tải “bật sáng” phá tan những lớp sương dày, đẩy lùi những thiếu thốn, khó khăn, soi sáng con đường kháng chiến để “ngày mai lên”.

⇒ Hình ảnh thơ mang ý nghĩa tượng trưng cho một tương lai tươi sáng của đất nước. Con đường Việt Bắc, con đường ra trận đầy máu lửa và chiến công. Đó cũng là con đường đi tới ngày mai tươi sáng, huy hoàng của đất nước, của dân tộc.

• **Niềm vui chiến thắng lớn của quân dân Việt Bắc, của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.**

“Tin vui chiến thắng trăm miền
Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.”

- Một lần nữa Tố Hữu gọi tên các địa danh “chiến thắng trăm miền” trên đất nước thân yêu : Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, Đồng Tháp,... Mỗi địa danh ghi lại một chiến công. Tác giả gọi tên địa danh với niềm hân hoan, tự hào chiến thắng.

- “Tin vui...vui về ..vui từ ...vui lên”. Chiến thắng không phải chỉ một vài nơi rời rạc mà là của cả trăm miền, điệp từ “vui” diễn tả niềm vui lớn, tiếng reo mừng chiến thắng cất lên từ trái tim của hàng triệu con người Việt Nam từ Bắc chí Nam.

d.6. Nỗi nhớ và sự khẳng định Việt Bắc là quê hương của Cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, là đầu não của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ bao tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước.

Ai về ai có nhớ không?
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang.
Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công

Điều quân chiến dịch thu đông
Nông thôn phát động, giao thông mở đường
Giữ đê, phòng hạn, thu lương
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...

Ở đâu u ám quân thù
Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi
Ở đâu đau đớn giống nòi
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.
Mười lăm năm ấy, ai quên
Quê hương Cách mạng dựng nên Cộng hoà
Mình về mình lại nhớ ta
Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào.

- Câu hỏi tu từ “Ai về ai có nhớ không?” đã khơi gợi tình cảm thiêng liêng về Việt Bắc.
- Các hình ảnh: "ngọn cờ đỏ thắm", "sao vàng rực rỡ", "cụ Hồ sáng soi", "Trung ương", "Chính phủ", "mái đình", "cây đa",... là những hình ảnh đẹp đẽ, tươi sáng thể hiện cái nhìn lạc quan của tác giả. Đó là những hình ảnh biểu tượng của cách mạng, là tương lai của dân tộc.
- Phép điệp ngữ: "Ở đâu... Nhìn lên..., Ở đâu... Trông về..." đã nhấn mạnh và khẳng định rằng: Việt Bắc là cái nôi của cách mạng, là cội nguồn của sự sống.
- Biện pháp đối lập: u ám >< sáng soi => đề cao vai trò của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Bác chính là chỗ dựa tinh thần tươi sáng nhất cho cách mạng và nhân dân Việt Nam.

3. Tổng kết

a. Nội dung

- Tái hiện những kỉ niệm Cách mạng, kháng chiến. Khẳng định, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp.
 - Thiên nhiên Việt Bắc vừa nên thơ, trữ tình vừa hùng vĩ, tráng lệ.
 - Con người Việt Bắc hăng say lao động, sâu nặng ân tình với cách mạng, kháng chiến.
- Gọi viễn cảnh tươi sáng của đất nước, ca ngợi công lao của Đảng và Bác Hồ trong kháng chiến chống Pháp.
 - Thể hiện tình cảm của Tố Hữu đối với quê hương Cách mạng Việt Bắc: yêu mến, gắn bó, tự hào về truyền thống cao đẹp của dân tộc, đất nước.
 - ⇒ Việt Bắc là khúc hùng ca, tình ca về Cách mạng, về kháng chiến, về những con người trong kháng chiến chống Pháp.

b. Nghệ thuật

- Sử dụng thể thơ truyền thống của dân tộc : thơ lục bát.
- Cách xưng hô ta – mình, mình – mình thân mật, gần gũi, đậm phong vị ca dao.

- Lời đối đáp trữ tình của ca dao Việt Nam.
- Giọng thơ tâm tình , ngọt ngào như âm hưởng lời ru.
- Sử dụng thành công các biện pháp tu từ : so sánh, nhân hóa, cường điệu , điệp,...
- Sử dụng lời ăn tiếng nói của nhân dân rất giản dị, mộc mạc nhưng sinh động, hấp dẫn.
- Đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

5. ĐẤT NƯỚC

1. Tác giả

- Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1946 tại Thừa Thiên Huế. Sinh ra trong gia đình có truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng. Học tập và trưởng thành ở Miền Bắc. Tham gia chiến đấu và hoạt động cách mạng ở miền Nam

- Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ

- thơ trẻ những năm chống Mỹ cứu nước. Họ đã đem đến cho thơ, tiếng nói trữ tình của tuổi trẻ. Đó là sự ý thức tuổi trẻ về vai trò, trách nhiệm của mình trong cuộc chiến đấu, là sự nhận thức sâu sắc về đất nước, về nhân dân

- Tác phẩm chính: Đất ngoại ô, Mặt đường khát vọng, Ngôi nhà có ngọn lửa âm, Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Cõi lặng

- Phong cách thơ: giàu chất suy tư, chính luận, xúc cảm lắng đọng, thể hiện tâm tư của người tri thức tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu của nhân dân.

2. Tác phẩm (trường ca “Mặt đường khát vọng”)

“Đất nước” thuộc trường ca “Mặt đường khát vọng”

a. Hoàn cảnh sáng tác

Sáng tác 1971, tại chiến khu Trị - Thiên. Lúc bấy giờ, cuộc kháng chiến chống Mỹ đang đi đến những năm cuối cùng, ở trong giai đoạn khốc liệt, đòi hỏi tất cả các thế hệ phải tập trung dồn sức mạnh vào kháng chiến, đặc biệt là các bạn trẻ không được phép thờ ơ, quên độ vai trò và trách nhiệm của cá nhân với Tổ quốc. Và như thế, trường ca **“Mặt đường khát vọng”** ra đời, nó là một tiếng nói xúc động trong nhận thức đẹp đẽ về đất nước, và ý thức, tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với Tổ quốc.

b. Kết cấu, bố cục: gồm 9 chương

c. Thể loại : trường ca: Là thể loại tác phẩm có sự kết hợp hài hòa hai yếu tố tự sự và trữ tình.

3. Đoạn trích Đất nước

a. Xuất xứ

•Thuộc phần đầu chương V của trường ca.

•Chương V có vị trí đặc biệt, hội tụ chủ đề tư tưởng tác phẩm: sự thức tỉnh của thế hệ trẻ các thành thị miền Nam, (rộng hơn: sự tự nhận thức của tuổi trẻ VN) về sứ mệnh và trách nhiệm với dân tộc

b. Bố cục: 2 phần

• Phần 1: Từ đầu đến “làm nên đất nước muôn đời”(42 câu đầu): Cảm nhận mới mẻ về đất nước: Đất nước có trong đời sống mọi mặt của nhân dân

• Phần 2- Phần còn lại (47 câu sau): Tư tưởng “Đất nước của nhân dân”: Nhân dân làm nên Đất nước

c. Nội dung chi tiết

c.1- Phần 1: Đất nước có trong đời sống mọi mặt của nhân dân (42 dòng thơ đầu)

• 9 dòng thơ đầu: Lí giải cội nguồn của đất nước (Đất nước có từ bao giờ?)

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa...” mẹ thường hay kể

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

* *Đất nước là nơi cư trú của một cộng đồng dân tộc có cường giới, lãnh thổ riêng, có sự gắn kết sâu sắc với nhiều về văn hóa, phong tục, tập quán có tiếng nói ngôn ngữ riêng, có truyền thống lịch sử văn hiến lâu đời.*

Tác giả khẳng định một điều tất yếu: “Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi”

⇒ Đất nước có từ rất lâu, rất xa trong lịch sử. Đồng thời điều này thôi thúc mỗi con người muốn tìm đến nguồn cội đất nước.

- Phép điệp liên tiếp những thành tố Đất, Nước cũng như ghép liên lại thành Đất nước trong cả đoạn thơ: Đất và Nước như là hai tế bào gốc, hai nguyên tố chính của đất nước này. Cho nên ban đầu nói về thời kì sơ khai, Đất và Nước tách nhau như hai nguyên tố riêng rẽ nhưng khi nó trở thành Đất nước thì Đất và Nước liền lại với nhau. Đất nước trong sự toàn vẹn của tổ tiên, Đất nước trong tình yêu của cá nhân.

- Đất nước bắt nguồn từ phong tục tập quán sinh hoạt, những điều bình dị, gần gũi trong đời sống của người Việt Nam từ xa xưa:

▪ “ngày xưa ngày xưa” gợi nhớ đến câu mở đầu các câu chuyện dân gian

▪ “miếng trầu” gợi nhớ tục ăn trầu của người Việt và truyện cổ tích trầu cau, vật tượng trưng cho văn hoá dân gian Việt Nam

▪ “Tóc mẹ thì bới sau đầu”: thói quen búi tóc của những người phụ nữ Việt Nam,

▪ “Thương nhau bằng gừng cay muối mặn” truyền thống yêu thương sẻ chia, đùm bọc lẫn nhau của dân tộc.

▪ “cái kèo cái cột thành tên”: truyền thống đặt tên con theo đồ vật của người Việt Nam để nhắc nhở mọi người về cội nguồn đất nước

- Đất nước trưởng thành cùng quá trình lao động sản xuất “cái kèo cái cột thành tên”, “một nắng hai sương”, quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

⇒ Bằng chất liệu văn hóa dân gian qua sự chọn lọc tinh tế cùng giọng điệu tâm tình thủ thi, nhà thơ thể hiện cái nhìn mới mẻ về cội nguồn đất nước, đất nước bắt nguồn từ chiều sâu văn hóa, văn học, lịch sử và truyền thống dân tộc.

• **33 câu thơ tiếp theo : Định nghĩa về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với đất nước**

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”

Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

Thời gian đằng đẵng

Không gian mênh mông

Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ

Đất là nơi Chim về

Nước là nơi Rồng ở

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng

Những ai đã khuất

Những ai bây giờ

Yêu nhau và sinh con đẻ cái

Gánh vác phần người đi trước để lại

Dặn dò con cháu chuyện mai sau

Hằng năm ăn đâu làm đâu

Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ

Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần Đất Nước

Khi hai đứa cầm tay

Đất Nước trong chúng mình hài hoà nồng thắm

Khi chúng ta cầm tay mọi người

Đất nước vẹn tròn, to lớn

**Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang đất nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó san sẻ
Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...**

- Về phương diện không gian địa lí:

- là núi, sông, rừng bẻ (hòn núi bạc, nước biển khơi,...)
- là không gian sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ (những ai đã khuất,..dặn dò con cháu...)
- Tác giả tách riêng hai yếu tố “đất” và “nước” để suy tư một cách sâu sắc.
- Đất nước là không gian riêng tư quen thuộc gắn với không gian sinh hoạt của mỗi con người: “nơi anh đến trường”, “nơi em tắm”;
- là nơi tình yêu lứa đôi nảy nở (nơi ta hò hẹn, nơi em đánh rơi chiếc khăn...)
- Đất nước là không gian bao la trù phú, không gian sinh tồn của cộng đồng qua bao thế hệ: “Đất là nơi con chim phượng hoàng... dân mình đoàn tụ”.

- Thời gian lịch sử (Nhìn đất nước được nhìn xuyên suốt chiều dài lịch sử từ quá khứ, hiện tại đến tương lai)

- Trong quá khứ đất nước là nơi thiêng liêng, gắn với truyền thuyết, huyền thoại: “Đất là nơi chim về... trong bọc trứng” (Lạc Long Quân, Âu Cơ, truyền thuyết Hùng Vương, ngày giỗ Tổ.)
- Trong hiện tại: đất nước có trong tâm lòng mỗi con người, mỗi người đều thừa hưởng những giá trị của đất nước, khi có sự gắn kết giữa mỗi người đất nước sẽ nồng thắm, hài hòa, lớn lao. Đó là sự gắn kết giữa cái riêng và cái chung.
- Trong tương lai: thế hệ trẻ sẽ “mang đất nước đi xa”, “đến những ngày mơ mộng”, đất nước sẽ trường tồn, bền vững.

- Đất Nước hóa thân trong mỗi con người

- Đất nước không phải là một khái niệm trừu tượng, xa xôi mà là sự hóa thân, kết tinh trong mỗi con người. Bởi lẽ mỗi cuộc đời đều được thừa hưởng một phần di sản vật chất và tinh thần của dân tộc:

“Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần Đất Nước”

⇒ Đất nước to lớn, thiêng liêng nhưng lại thật nhỏ bé khi hóa thân vào máu thịt và tâm hồn mỗi con người. Sự sống của mỗi cá nhân là sự thể hiện cụ thể sinh động hình ảnh đất nước, mỗi con người Việt Nam luôn thừa hưởng, tiếp nối phát triển những giá trị văn

hóa, tinh thần, vật chất của cộng đồng dân tộc. . Như vậy nhà thơ khẳng định mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Đất nước là quan hệ máu thịt chặt chẽ không thể chia tách.

▪ “Em ơi em đất nước là máu xương của mình” : “máu xương” ẩn chứa cả nghĩa tình cụ thể và ẩn dụ đất nước được xây dựng, bảo vệ bằng máu xương của biết bao thế hệ người Việt Nam. Đất nước cho ta hình hài máu thịt, đất nước cho chúng ta cách sống và cách nghĩ, chính những truyền thống văn hóa, đạo lí được hình thành qua lịch sử dựng nước tạo nên tâm hồn cốt cách người Việt nam.

▪ Đất nước hài hòa vẹn tròn to lớn, phát triển đi xa đến những tháng ngày mơ mộng, là kết tinh bởi 2 chữ “cầm tay”- biểu tượng của tinh thần đoàn kết trong tình yêu đôi lứa, trong mỗi gia đình và cộng đồng xã hội và tình yêu Tổ quốc.

▪ Mạch thơ dẫn đến suy ngẫm về trách nhiệm của mỗi người đối với đất nước. Đó cũng là thông điệp mà tác giả muốn gửi đến mỗi chúng ta: “Phải biết gắn bó và san sẻ/ Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở”, đóng góp, hi sinh, bảo vệ và dựng xây đất nước ngày càng phát triển, phồn thịnh trường tồn mãi muôn đời.

⇒ **Qua cái nhìn toàn diện của nhà thơ, đất nước hiện lên vừa gần gũi, thân thuộc lại vừa thiêng liêng, hào hùng và trường tồn đến muôn đời sau.**

c.2. Phần 2 : Tư tưởng cốt lõi, cảm nhận về đất nước: Đất nước của nhân dân (47 dòng thơ cuối)

**Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu
Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại
Chín mươi chín con voi góp mình dựng Đất tổ Hùng Vương
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm
Người học trò nghèo giúp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên.
Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh
Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm
Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha
Ôi Đất Nước sau bốn ngàn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...**

Em ơi em

Hãy nhìn rất xa

Vào bốn ngàn năm Đất Nước

Năm tháng nào cũng người người lớp lớp

Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta

Cần cù làm lụng

Khi có giặc người con trai ra trận

Người con gái trở về nuôi cái cùng con

Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh
Nhiều người đã trở thành anh hùng
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ
Nhưng em biết không
Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước
Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
Họ đắp đập be bờ cho người sau trông cây hái trái
Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm
Có nội thù thì vùng lên đánh bại
Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại
Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”
Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội
Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
Đi trả thù mà không sợ dài lâu
Ôi những dòng sông bắt nước từ lâu
Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát
Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác
Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi...

• 12 dòng thơ đầu: Nhân dân làm ra vóc hình tổ quốc (Những người vợ nhớ chồng...những cuộc đời đã hóa núi sông ta)

- Tư tưởng “Đất Nước của nhân dân” trước hết thể hiện qua sự biết ơn sâu nặng của nhà thơ đối với nhân dân đã “góp” cuộc đời mình, tuổi tên của mình, số phận mình để hóa thân thành những địa danh, thắng cảnh. Những địa danh, thắng cảnh ấy gắn với cuộc sống, số phận, tính cách của nhân dân.

- Tám câu đầu, ta thấy nhà thơ đã sử dụng nghệ thuật liệt kê (liệt kê những địa danh), sử dụng động từ “góp” để diễn tả hình ảnh của nhân dân hóa thân thành những danh lam thắng cảnh tuyệt đẹp cho Đất Nước. Các danh thắng ấy được nhà thơ liệt kê từ Bắc đến Nam, đâu đâu cũng mang bóng dáng nhân dân.

▪ Ở miền Bắc

- núi Vọng Phu, hòn Trống Mái biểu tượng cho vẻ đẹp của tình yêu thủy chung bền vững. Hòn Vọng Phu nay vẫn còn ở Lạng Sơn gắn liền với tích nàng Tô Thị bồng con chờ chồng hóa đá. Hòn Trống Mái ở Sầm Sơn, Thanh Hóa, tương truyền do hai vợ chồng yêu nhau hóa thân thành. Thời gian trôi qua, những vẻ đẹp thủy chung, nghĩa tình đã bất tử.
- vẻ đẹp người anh hùng làng Gióng với chứng tích “ao đầm” hình móng chân ngựa mọc đầy quanh chân núi Sóc Sơn (Hà Nội).
- quần thể núi non hùng vĩ “chín mươi chín con voi” bao quanh núi Hi Cương (Phú Thọ) nơi đền thờ vua Hùng ngự trị.
- “con cóc con gà quê hương góp cho Hạ Long thành thắng cảnh”.
- ⇒ Tất cả nhằm nhắc nhở chúng ta nhớ về truyền thống đánh giặc giữ nước, công cuộc xây dựng, kiến thiết đất nước của cha ông.
- Ở miền Trung
 - vùng đất Quảng Ngãi “núi Bút, non Nghiên” do cậu học trò nghèo dựng nên. Đó là biểu tượng của truyền thống hiếu học của nhân dân đã góp cho đất nước bao tên tuổi.
- Ở miền Nam
 - con sông Cửu Long hiền hòa, tươi đẹp: “Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thắm”.
 - những người dân hiền lành, chăm chỉ góp nên “tên xã tên làng trong mỗi chuyến di dân”. Đó là “Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm”.
 - *Bốn câu thơ sau*: sự hóa thân của Nhân Dân vào bóng hình Đất Nước. Nhân Dân chính là người đã tạo dựng, đã đặt tên, ghi dấu ấn cuộc đời mình lên mỗi ngọn núi, dòng sông, khắp mọi miền đất nước này:

Ôi! Đất Nước bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta”
- Hai câu “Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi/ Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha”
 - ⇒ Nhân dân không chỉ góp phần trong danh lam thắng cảnh, mà còn góp vào đó những giá trị tinh thần, là phong tục, tập quán, là truyền thống văn hóa lưu dấu tới mai sau.
 - “Những cuộc đời đã hóa núi sông ta”. “Núi sông ta” sẽ dĩ có được là nhờ “những cuộc đời” đã hóa thân để góp nên.
 - ⇒ Nhân Dân không chỉ góp tuổi, góp tên mà còn góp cả cuộc đời và số phận mình.
- **35 câu thơ cuối: Nhân dân tạo nên lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa (Em ơi em hãy nhìn rất xa...đến hết)**

Càng nhìn sâu vào “bốn nghìn năm Đất Nước”, nhà thơ càng thấm thía với công lao xây dựng, vun đắp, bảo vệ đất nước của nhân dân.

 - Nhân dân làm nên lịch sử 4000 năm:
 - Lớp người trẻ, những “con gái, con trai bằng tuổi chúng ta” - lớp thanh niên anh dũng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc trong thời kì chống Mĩ cứu nước: “Có biết bao người con gái, con trai/ Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi/ .../ Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”.

▪ Tác giả nhấn mạnh đến những con người vô danh làm nên lịch sử, khẳng định vai trò của mỗi cá nhân với lịch sử dân tộc.

- Nhân dân tạo ra và giữ gìn những giá trị vật chất, tinh thần cho đất nước:

▪ Những người đã xây dựng nền văn minh lúa nước, “một nắng hai sương”, “xay, giã, giần, sàng” - Họ giữ và truyền cho chúng ta hạt lúa ta trồng. Việc giữ gìn và truyền lại hạt lúa cho mùa sau, đời sau đó chính là truyền lại sự sinh tồn và phát triển đối với dân tộc có nền văn minh lúa nước lâu đời.

▪ Giữ gìn truyền thống văn hóa tinh thần của đất nước. Nhân dân không chỉ truyền lại cho con cháu những tình cảm thẩm thiết, ân tình, những bài học đạo lý, những kinh nghiệm sâu sắc mà còn cả giọng điệu tiếng nói ngôn ngữ của dân tộc

▪ Nhân dân còn trân trọng giữ gìn những địa danh thân thuộc của từng vùng miền quê hương đất nước “Họ gán theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân”. Người dân mang theo tên xã tên làng thân thuộc đặt cho vùng đất mới vừa đến làm dịu bởi phần nào nỗi nhớ của quê hương của thế hệ này, vừa để khắc sâu nỗi nhớ của thế hệ sau về cội nguồn quê hương.

▪ Nhân dân còn xây dựng nền tảng vững chắc cho đời sau an cư lạc nghiệp "Họ đã đắp đập, be bờ cho người sau trồng cây hái trái. Cùm động từ - đắp đập, ốc bờ gọi lên sự vun vén cho đầy đặn hơn, vùng chắc hơn.

- Tư tưởng cốt lõi, cảm hứng bao trùm cả đoạn trích: “đất nước này là đất nước của nhân dân, đất nước của ca dao thần thoại”, đất nước ấy thể hiện qua tâm hồn con người: biết yêu thương, biết quý trọng tình nghĩa, công sức và biết chiến đấu vì đất nước.

- Khi đất nước có chiến tranh, nhân dân là những người xông pha, một hòn tên, mũi đạn.. dũng cảm chiến đấu sẵn sàng chiến đấu và hi sinh để bảo vệ bình yên cho đất nước: "có ngoại xâm thì chống ngoại xâm có nội thù thì vùng lên đánh bại"

- Nhưng tác giả không dừng ở phát hiện “Đất Nước này là Đất Nước Nhân Dân” mà còn muốn cho khái niệm này ngân vang lên trong thần thoại, trong cổ tích, trong ca dao dân ca.: “Đất Nước của Nhân Dân/ Đất Nước của ca dao thần thoại/ Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”/ Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội/ Biết trồng tre đợi ngày thành gậy/ Đi trả thù mà không sợ dài lâu...”

⇒ Mượn những câu ca dao để nói lên những phẩm chất truyền thống đẹp đẽ của dân tộc: yêu thương đùm bọc, quý trọng tình nghĩa và luôn anh dũng, kiên cường chiến đấu để bảo vệ đất nước

- Cặp từ “giữ, truyền” lặp đi lặp lại trong đoạn thơ đã khẳng định sứ mệnh thiêng liêng của con người, mỗi thế hệ trong công cuộc xây dựng đất nước là tiếp nối và gánh vác việc thế hệ đi trước giao phó, gìn giữ và phát triển để rồi tiếp tục truyền lại cho con cháu sau này.

⇒ **Trong 4000 đất nước được xây dựng bằng mồ hôi, nước mắt và máu xương của những con người ấy, lịch sử không biết họ là ai, họ là phần lớn những con người**

thầm lặng hi sinh cho đất nước. Tất cả họ đều vô danh “ không ai nhớ mặt đặt tên”... nhưng họ đã làm ra đất nước.

4. Tổng kết

a. Nội dung

Đoạn trích thể hiện những cảm nhận mới mẻ của tác giả về đất nước qua những vẻ đẹp được phát hiện ở chiều sâu trên nhiều phương diện: lịch sử, địa lí, văn hóa... Từ đó khẳng định và nhấn mạnh tư tưởng cốt lõi, trọng tâm, bao trùm toàn bộ bài thơ: tư tưởng “Đất nước của nhân dân”.

b. Nghệ thuật

- Lối thơ tự do, gần như văn xuôi, hướng sâu đến trí tuệ, vận động bằng chiều sâu của trí tuệ (không véo von trong cảm xúc).
- Giọng trữ tình có sự đan xen triết luận và chính luận tạo nên sức mạnh cảm hoá và thuyết phục.
- Vận dụng sáng tạo chất liệu văn hoá, văn học dân gian. Trong trích đoạn thơ, tác giả sử dụng rất nhuần nhị, sáng tạo vốn ca dao, tục ngữ, thành ngữ, những câu chuyện về cổ tích thần thoại, huyền thoại, thậm chí phong tục, tập quán...gắn bó lâu đời với người Việt.
- Sử dụng thành công và sáng tạo các biện pháp nghệ thuật: liệt kê, điệp ngữ,...

6. SÓNG

1. Tác giả Xuân Quỳnh (1942 - 1988)

- Xuân Quỳnh xuất thân trong một gia đình công chức, mồ côi mẹ từ nhỏ, Xuân Quỳnh ở với bà nên nhà thơ luôn khao khát tình thương, tình yêu, mái ấm gia đình, có sự nhạy cảm với tình mẫu tử.

- Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ thời kì chống Mỹ.

- Bà là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc của Việt Nam, được mệnh danh là nữ hoàng thơ tình yêu của Việt Nam.

- Nữ thi sĩ là một người phụ nữ có cuộc đời đa đoan, có trái tim đa sầu đa cảm, gắn bó hết mình với cuộc sống hằng ngày và luôn trân trọng, nâng niu, chắt chiu cho thường ngày bình dị.

- Phong cách thơ: Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc bình dị đời thường.

- Một số tác phẩm tiêu biểu:

• Các tập thơ: Chồi biếc (1963), Hoa dọc chiến hào (1968), Lời ru trên mặt đất (1978), Chờ trăng (1981), Tự hát (1984). Trong đó có một số bài thơ đặc biệt nổi tiếng: Thuyền và biển, Sóng, Tiếng gà trưa, Thơ tình cuối mùa thu...

• Một số tác phẩm viết cho thiếu nhi: Mùa xuân trên cánh đồng (truyện thiếu nhi, 1981), Bầu trời trong quả trứng (thơ văn thiếu nhi, 1982)...

2. Tác phẩm Sóng

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Sóng được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.

- Bài thơ in trong tập Hoa dọc chiến hào (1968).

b. Bố cục Gồm 4 phần:

Phần 1. Hai khổ thơ đầu: Nhận thức về tình yêu qua hình tượng sóng.

Phần 2. Hai khổ tiếp theo: Suy nghĩ, trăn trở về cội nguồn và quy luật của tình yêu

Phần 3. Ba khổ thơ tiếp theo: Nỗi nhớ, lòng thủy chung son sắt của người con gái trong tình yêu.

Phần 4. còn lại: Khát vọng về tình yêu vĩnh cửu, bất diệt.

c. Thể thơ: thể thơ ngũ ngôn (năm chữ).

d. Ý nghĩa nhan đề:

- Sóng là hình tượng trung tâm của bài thơ, gửi gắm tư tưởng, tình cảm của tác giả.

- “Sóng” và “em” tuy hai mà một, có lúc tách đôi ra để soi chiếu cho nhau, có lúc lại hòa nhập vào nhau để tạo ra âm vang.

- Xuân Quỳnh đã mượn hình ảnh “sóng” để thể hiện cảm xúc, cung bậc tình cảm của trái tim người con gái trong tình yêu với những bản tính vốn có.

=> Qua nhan đề, tác giả đã cho thấy hình tượng trung tâm của tác phẩm cùng với những ý nghĩa được gửi gắm trong đó.

e. Nội dung chi tiết

e.1. Phần 1. Hai khổ thơ đầu: Nhận thức về tình yêu qua hình tượng sóng

• Mở đầu bài thơ là một trạng thái đặc biệt của trái tim khao khát tình yêu, tìm đến những cảm xúc lạ lẫm và mới mẻ trong tâm hồn:

Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể

- Thủ pháp đối lập: dữ dội – dịu em, ồn ào – lặng lẽ

→ Xuân Quỳnh đã thay lời tất cả những trái tim trẻ bộc lộ nỗi lòng qua những con sóng. Khi dữ dội mãnh liệt, khi dịu êm trầm lắng, khi ồn ào nhấp nhô, có lúc lại âm thầm lặng lẽ, *những tình cảm tưởng chừng như mâu thuẫn, đối lập nhau lại thống nhất* bởi lẽ nó xuất phát từ một tình yêu chân thành tha thiết và đó cũng chính là những biến đổi thật mạnh mẽ trong tình yêu của em dành cho anh. *Các cung bậc, sắc thái khác nhau của sóng cũng giống như những cung bậc tình cảm phong phú, những trạng thái đối cực phức tạp, đầy nghịch lý của người phụ nữ khi yêu.*

- Hình ảnh ẩn dụ, nhân hóa “Sông không hiểu nổi mình/Sóng tìm ra tận bể”: khát vọng vươn xa, thoát khỏi những gì chật chội, nhỏ hẹp, tầm thường

▪ “Sông”, “bể” đều là không gian làm nên sóng, thế nhưng chỉ khi ở không gian bao la rộng lớn là bể thì sóng mới chính là sóng, sóng được sống với những cung bậc trạng thái vốn có của chính mình. Ngọn sóng đã thực hiện một cuộc hành trình gian nan từ chồi không gian chật chội, tù túng là sông để tìm đến bể bao la cho thỏa sức vẫy vùng.

▪ Hành trình đi tìm không gian sống rộng lớn của sóng cũng giống như hành trình tìm kiếm hạnh phúc và tình yêu của em. Sóng đi tìm không gian rộng lớn để được thỏa sức vẫy vùng còn em tìm đến một tình cảm lớn lao để được thấu hiểu, bao dung, chở che và được sống đúng với chính mình.

→ Quan niệm mới về tình yêu: yêu là tự nhân thức, là vươn tới cái rộng lớn, cao xa

• **Bản tình ca đầy lãng mạn với khát vọng tình yêu mãnh liệt, bất tử:**

**Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ**

- Thán từ “ôi” cất lên gợi biết bao nỗi niềm và cảm xúc mãnh liệt.

- Những chữ “ngày xưa”, “ngày sau” kết hợp với những từ “vẫn thế” làm cho câu thơ mang sắc thái khẳng định mạnh mẽ. Nhà thơ khẳng định quy luật muôn đời của thiên nhiên tạo vật: Sóng vẫn “ru mãi ngàn năm” bản tình ca bất tử của biển. Sóng chính là những cung bậc và nốt nhạc của thiên nhiên, hàng triệu năm hàng ngàn năm sau sóng vẫn mãi ào ạt xô bờ.

- Phép so sánh, liên tưởng “Ôi con sóng ngày xưa ... Bồi hồi trong ngực trẻ”: Lời khẳng định khát vọng tình yêu cháy bỏng, mãnh liệt luôn luôn thường trực trong trái tim tuổi trẻ.

▪ Cũng giống như sóng của tự nhiên, những con sóng lòng từ ngàn xưa đến nay và đến tận mai sau vẫn không bao giờ ngừng chảy. Quá khứ của ngày xưa, tương lai của ngày sau mãi vẹn nguyên một nỗi khát vọng bồi hồi về tình yêu trong tâm hồn tuổi trẻ.

▪ Xuân Quỳnh tìm ra quy luật trong cuộc sống tình cảm của con người: tình yêu là khát vọng cháy bỏng muôn đời của nhân loại, nó bồi hồi, xôn xao, rạo rực trong trái tim con người, nhất là tuổi trẻ.

→ Còn đại dương là còn sóng, còn những trái tim đang đập trong lồng ngực là còn khát vọng tình yêu.

e.2. Phần 2. Hai khổ tiếp theo: Suy nghĩ, trăn trở về cội nguồn và quy luật của tình yêu

• **Nhân vật “em” đã chọn cho mình một khoảng trầm tư bình yên khi đứng trước đại dương bao la, trước muôn ngàn con sóng vỗ bạc đầu:**

**“Giữa muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên”**

- Đến khổ thơ này, em tách mình khỏi sóng, để hạ lời thì thầm hai tiếng “em – anh”
- Đứng trước bể lớn mênh mông, cảm nhận mình nhỏ bé và lọt thỏm trong cảm giác tình yêu mênh mông, người con gái ấy nghĩ về bản thân mình, về người yêu, về biển lớn và tự hỏi chính bản thân mình: “Từ nơi nào sóng lên?”

→ Khi yêu, ai cũng đều muốn phân tích và định nghĩa từng trạng thái tâm lí, từng biểu hiện cụ thể để đi đến định nghĩa và giả thích về nó.

• **Em tự đặt ra một câu hỏi cho lòng mình, để truy tìm căn nguyên của sóng nhưng cũng chính là lúc em muốn truy tìm căn nguyên của tình yêu.**

**“Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau?”**

- Đứng trước biển, “em” bắt đầu suy nghĩ về “anh” về “em” về biển lớn rồi cất nghĩa lí giải tình yêu bằng sự đáng yêu của tâm hồn một người phụ nữ đang say đắm trong tình yêu

- Chị có thể lí giải sóng ào ạt xô bờ bắt nguồn từ những luồng gió ngoài khơi xa. Thế nhưng chị đã bắt đầu thú nhận sự bất lực của mình như một cái lắc đầu đáng yêu: “Em cũng không biết nữa/ Khi nào ta yêu nhau?”. Cái lắc đầu đấy chính là câu trả lời cho những khởi nguồn muốn tìm kiếm và lí giải về tình yêu.

→ Không thể lí giải được nguồn gốc của tình yêu, nhà thơ đi đến sự thú nhận đầy đáng yêu. Đó là một câu trả lời duyên dáng, đầy nữ tính và phù hợp với tính cách của nữ sĩ Xuân Quỳnh. Lí giải, mà không lí giải được bởi tình yêu muôn đời bí ẩn, bởi tình yêu là một hiện tượng tâm lý khác thường, cũng bởi có ai là hiểu rõ được quy luật của tình yêu.

→ Tình yêu cần có lí trí nhưng trước hết là câu chuyện của trái tim cho nên không thể dùng lí trí tinh táo để xác định thời điểm chính xác bắt đầu một mối tình. Quy luật của tình yêu chính là không tuân theo bất kì một quy luật nào cả, bất tuân theo mọi định nghĩa, định lý ở trên đời.

e.3. Phần 3: Ba khổ thơ tiếp theo: Nỗi nhớ, lòng thủy chung son sắt của người con gái trong tình yêu.

• **Khát vọng yêu thương chân thành qua nỗi nhớ da diết, chấy bỏng trong tình yêu:**

**Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức**

- Hai câu thơ đầu với hình thức lặp cấu trúc cùng nghệ thuật đối “dưới lòng sâu – trên mặt nước” tạo nên sự đa dạng của những con sóng với nhiều dạng thức khác nhau. Cũng như sóng kia, tâm hồn em cũng vô vàn những phức tạp khó hiểu.

- Phép nhân hóa “nhớ bờ”, “không ngủ được”: Xuân Quỳnh vô cùng tinh tế khi mượn một hình tượng rất động là sóng để diễn tả nỗi niềm của người phụ nữ khi yêu, nhân hóa con sóng biết nhớ nhung, đa sầu đa cảm như trái tim của người phụ nữ khi say đắm trong tình yêu, nhờ sóng nói lên nỗi lòng mình.

- Sóng nhớ bờ ngày đêm không ngủ được, còn em nhớ đến anh cũng trần trọc, thao thức suốt canh thâu: “Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức”. Nỗi nhớ của em vừa đặc biệt, vừa độc đáo da diết bởi lẽ nỗi nhớ đó không chỉ xâm chiếm cả thời gian, không gian mà còn đi vào tiềm thức, vào cõi mộng.

⇒ Xuân Quỳnh đã diễn tả thật xúc động nỗi nhớ trong tình yêu- nỗi nhớ vắt ngang tiềm thức, xuyên thấu cả cõi thực và cõi mộng.

•Khẳng định tình yêu thủy chung son sắt, vượt qua mọi cách trở của thời gian:

Dẫu xuôi về phương Bắc
Dẫu ngược về phương Nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh một phương

- Nhà thơ đã chọn cách nói ngược (đáng lẽ phải nói là dẫu ngược về phương Bắc, dẫu xuôi về phương Nam) kết hợp với điệp ngữ “dẫu”, “vẫn”, “về”, nghệ thuật đối “xuôi-ngược”, “Bắc-Nam” và lời thơ mang âm hưởng khẳng định mạnh mẽ, Xuân Quỳnh khẳng định dù cuộc đời có nghịch lí, có trái ngang tới đâu thì tình yêu và nỗi nhớ của em cũng luôn luôn hướng về anh tựa như “Sóng nhớ bờ, luôn hướng về bờ”.

- “Phương anh” là nơi em gửi trọn niềm tin, nỗi nhớ và tình yêu thời thanh xuân dạt dào yêu thương tuổi trẻ. Đó chính là tiếng nói, khát vọng chân thành tha thiết của người phụ nữ đang yêu.

⇒ Lời hứa thủy chung, son sắt trước sau như một của người con gái trong tình yêu

•Sự kiên cường, sẵn sàng vượt qua khó khăn để đến với tình yêu:

Ở ngoài kia đại dương

Trăm ngàn con sóng đó

Con nào chẳng tới bờ

Dù muôn vôi cách trở

Ân dụ con sóng ngoài đại dương để chỉ tình yêu mãnh liệt của người con gái. Cũng như sóng xa “muôn cách trở” vẫn tìm được tới bờ; dù vất vả, khó khăn, dù gặp nhiều chông gai trở ngại nhưng anh và em sẽ vượt qua mọi khó khăn để đến với nhau để sống trong hạnh phúc trọn vẹn của lứa đôi.

** Dù sâu thẳm trong tâm hồn người phụ nữ vẫn trăn trở với những dự cảm âu lo, lại từng trải qua những đổ vỡ, mất mát trong tình yêu, hạnh phúc hôn nhân, thế nhưng Xuân Quỳnh vẫn luôn tin và hướng về tình yêu, khát vọng về một hạnh phúc toàn vẹn. Đó chính là nét đẹp ngời sáng trong tâm hồn chị.*

e.4. Phần 4. còn lại: Khát vọng về tình yêu vĩnh cửu, bất diệt.

• **Khát vọng mãnh liệt, tình yêu chân thành sâu sắc nhưng trong trái tim trẻ kia vẫn tồn tại sự băn khoăn, lo âu, trăn trở trong tình yêu:**

Cuộc đời tuy dài thế

Năm tháng vẫn đi qua

Như biển kia dẫu rộng

Mây vẫn bay về xa

- Hàng loạt cụm từ “tuy dài thế”, “vẫn đi qua”, “biển rộng”-“mây bay về xa” kết hợp với nghệ thuật so sánh nhấn mạnh những dự cảm, lo âu về tình yêu, về hạnh phúc.

- Tác giả đã cho thấy nhận thấy rõ cảm thức về thời gian, lấy không gian (biển rộng) để nói về thời gian: dù cuộc đời là muôn ngả, bao la rộng lớn thế nhưng vẫn sẽ qua đi, tựa như tuổi trẻ là hữu hạn trước sự chảy trôi của thời gian, không gian, cuộc đời qua đi mang theo tuổi trẻ.

⇒ Cảm giác cô đơn nhỏ bé trước cuộc đời, nỗi lo âu về sự hữu hạn của tình yêu trước thời gian vô tận. Trăn trở, băn khoăn liệu tình yêu ấy có vượt qua được bề lớn của cuộc đời, liệu có thoát khỏi quy luật cuộc sống, những đổi thay không ai nói trước được.

- Nhưng vượt lên sự lo âu phấp phỏng, nhà thơ đặt niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của tình yêu như mây có thể vượt qua biển rộng.

⇒ Thông thường sự lo âu, dự cảm trên có thể dẫn con người tới những phản ứng tiêu cực như thất vọng, chán nản,.. Nhưng Xuân Quỳnh đã chọn cho mình một cách ứng xử thật tích cực, thật đẹp: Chị không chán nản, tuyệt vọng mà lại càng khao khát sống hết mình cho tình yêu.

• **Mong muốn được sống hết mình, khao khát được dâng hiến cho tình yêu, hòa tình yêu của những sóng nhỏ của mình vào biển lớn để tình yêu riêng hóa thành vĩnh viễn:**

Làm sao được tan ra

Thành trăm con sóng nhỏ

Giữa biển lớn tình yêu

Để ngàn năm còn vỗ

- “Làm sao” gợi sự băn khoăn, khắc khoải, ước ao được hóa thành “trăm con sóng nhỏ” để muôn đời vỗ mãi vào bờ.

- Từ “ngàn năm” cho thấy khát khao vĩnh cửu hóa tình yêu của nữ thi sĩ.

- Sóng chỉ thực sự là sóng khi nó hòa chung vào muôn điệu của đại dương bao la. Tình yêu của con người cũng vậy, nếu chỉ biết giữ cho riêng mình thì sẽ tàn phai theo năm tháng. Và tình yêu sẽ chỉ bất tử khi tình yêu đó hòa vào biển lớn của tình yêu nhân loại.

⇒ Khát vọng muốn bất tử hóa tình yêu của nữ sĩ Xuân Quỳnh

**Cuộc đời nhà thơ đã chịu nhiều những đổ vỡ đắng cay trong tình yêu. Nhưng người phụ nữ ấy vẫn hồn nhiên tha thiết yêu đời, vẫn ấp ủ hy vọng và tin vào hạnh phúc tương lai.*

3. Tổng kết

a. Nội dung

Qua hình tượng sóng, trên cơ sở khám phá sự tương đồng, hòa hợp giữa sóng và em, bài thơ Sóng đã thể hiện chân thực, tinh tế vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ luôn khao khát được yêu thương và gắn bó, một trái tim luôn trăn trở và lo âu, một tấm lòng luôn mong muốn được hy sinh, dâng hiến cho tình yêu.

b. Nghệ thuật

• Thể thơ ngũ ngôn linh hoạt đã tạo ra âm hưởng, nhịp điệu vừa nhịp nhàng vừa sôi nổi, vừa dào dạt lắng sâu.

• Giọng thiệu thiết tha, giàu cảm xúc

• Ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị, tinh tế, trong sáng giàu sức gợi

• Sử dụng các biện pháp tu từ: ẩn dụ, so sánh, nhân hóa,..., hình ảnh mang tính biểu tượng...

7. ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA

1. Tác giả Thanh Thảo

- Tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1945

- Từng giữ chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thơ, Hội đồng văn VN, Chủ tịch Hội văn học Quảng Ngãi

- Có các sáng tác hay và độc đáo về chiến tranh và thời hậu chiến.

Các tác phẩm: Những người đi tới biển (1977), Khối vuông Ru-bích (1985), Những ngọn sóng mặt trời (1994- Trường ca), Cỏ vẫn mọc (2002-Trường ca)...Những năm gần đây:

viết báo,

tiểu luận phê bình. Đóng góp quan trọng nhất vẫn là thơ ca.

+ Đặc điểm thơ

- Là tiếng nói của người tri thức nhiều suy tư trăn trở về cuộc sống.
- Luôn tìm tòi, khám phá, sáng tạo cách biểu đạt mới qua hình thức câu thơ tự do, đem đến một mỹ cảm hiện đại cho thơ bằng thi ảnh và ngôn từ mới mẻ.

- Viết về đề tài nào cũng đậm chất triết lí. Hướng tới những vẻ đẹp của nhân cách: nhân ái, bao dung, can đảm, trung thực và yêu tự do. Thơ ông dành mối quan tâm đặc biệt cho những con người sống có nghĩa khí như: Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Ê-xênhin, Lor-ca...

- Tác phẩm chính: Những người đi tới biển, Dấu chân qua trăng cỏ, Những ngọn sóng mặt trời, Khối vuông rubic, Từ một đến một trăm... Ngoài ra, ông còn viết báo, tiểu luận, phê bình văn học và nhiều thể loại khác

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ

- Trích trong tập “Khối vuông Ru- bích” (1985)
- Tiêu biểu cho tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, mãnh liệt và phóng túng, ít nhiều nhuộm màu sắc tượng trưng và siêu thực.

b. Bố cục: 3 phần

- Phần 1 (Sáu dòng đầu): người nghệ sĩ tự do, cô đơn Lorca .
- Phần 2 (Tiếp đó đến “Không ai chôn cất tiếng đàn”): Lorca trong nỗi đau bi tráng
- Phần 3 (Còn lại): Niềm xót thương Lor-ca, những suy tư về cuộc giải thoát và giã từ của Lor-ca.

c. Chủ đề

Bài thơ miêu tả Lor-ca, một nghệ sĩ tự do có lí tưởng mới về nghệ thuật, sống cô đơn trong khung cảnh chính trị Tây Ban nha. Đồng thời thể hiện niềm xót thương của tác giả và những suy tư về cuộc giải thoát, giã từ của Lor- ca.

d. Ý nghĩa nhan đề và lời đề từ

d.1. Nhan đề

Đàn ghi ta là biểu tượng cho tình yêu của Lor – ca đối với đất nước Tây Ban Nha, cho con đường nghệ thuật của tác giả, cho khát vọng cao cả mà Lor – ca nguyện phấn đấu suốt đời

d.2. Lời đề từ:

- Hãy chôn tôi với cây đàn - phần hồn của đất nước Tây Ban Nha → tình yêu Tổ quốc nồng nàn.

- Hãy chôn tôi với cây đàn – biểu trưng cho sự nghiệp của Lor-ca → ước nguyện suốt đời theo đuổi sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật, mong muốn xóa bỏ ảnh hưởng của bản thân để dọn đường cho thế hệ sau vươn tới.

e. Nội dung chi tiết

e.1. Hình tượng tiếng đàn:

• **Tiếng đàn là biểu tượng của sự sống: Biểu tượng của vẻ đẹp và nỗi đau, khát vọng cao cả và số phận bi kịch.**

- “những tiếng đàn bọt nước”, so sánh với bọt nước cho thấy hình ảnh tiếng đàn mang một vẻ đẹp vừa tròn trịa, trong trẻo vừa mong manh, dễ vỡ nhưng lại vĩnh cửu, trường tồn, dù tan vỡ nhưng lại tiếp tục được hình thành từ lòng sâu đáy nước.

⇒ Nó gợi nhắc đến cuộc đời cao đẹp mà ngắn ngủi của Lor-ca. Cuộc đời ngắn ngủi đó đã kết thúc đầy oan khuất và tức tưởi ở tuổi 38 – lúc mà con người đầy những khát vọng tuổi trẻ, thanh xuân. Tuy nhiên, dù ngắn ngủi về mặt thời gian nhưng cuộc đời Lor-ca lại trở thành vĩnh viễn trong tâm tưởng con người.

- Ấn dụ: Tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta lá xanh, tiếng ghi ta tròn

⇒ Mỗi so sánh này cũng làm nổi bật tình yêu, cái đẹp, cái chết, nỗi đau trong tư tưởng, khát vọng tình cảm của Lor-ca.

- Đang trong một không gian “Đơn độc”; “Kinh hoàng”, giữa sắc màu ghê rợn “Áo choàng bê bết đỏ”, giữa giây phút cái chết cận kề, đột ngột liên tưởng bay vút lên hòa nhập vào không gian khác:

tiếng ghi-ta nâu

bầu trời cô gái ấy

tiếng ghi-ta lá xanh biết mấy

▪ Trong ngôn ngữ hội họa, màu nâu là biểu tượng của sự hồn nhiên trung thực, màu của đất. Cái hồn nhiên trung thực ấm nồng ấy giữa giây phút ranh giới của sự sống và cái chết bỗng bùng thức dậy cùng với bầu trời và cô gái.

▪ Trước cái chết người ta kinh hoàng và mưu cầu sự sống và thường liên tưởng suy nghĩ về những gì đen tối, ở đây bầu trời tâm hồn người nghệ sỹ vẫn đắm đuối với bầu trời ngọt ngào thắm đẫm hương tình. Tiếng Ghi ta xanh trở thành biểu tượng của tâm hồn lãng mạn Lorca, một thứ lãng mạn như đôi cánh bay qua cõi chết.

- Ở giai điệu tiếp theo, tiếng ghita rung lên thỗn thức:

tiếng ghi-ta tròn bọt nước vỡ tan

tiếng ghi-ta rờn rờn

máu chảy

▪ Thanh Thảo đã hướng người đọc vào hình ảnh so sánh độc đáo này và giúp họ tìm thấy trong chiếc bọt nước, hình ảnh một Lorca ngã xuống khi đang còn rất trẻ, khi lý tưởng của ông đang theo đuổi còn rất dờ dang trong một cái chết bi thương.

▪ Và đồng thời cũng thấy được một Lorca dẫu chỉ như một chiếc bọt nước nhỏ bé nhưng đã vượt lên đồng loại ở chỗ dám nổi lên sóng động, khi mà tất cả im lặng trật tự nơi cái mặt phẳng mặt nước im lìm trong cố hữu, cũ kỹ, già nua.

▪ Nhưng sự thật, tiếng đàn vẫn “Rờn rờn máu chảy”. Cách liên tưởng độc đáo này làm cho tiếng đàn trở thành một sinh thể sống, và nó đang đổ máu cho tự do cho cuộc sống, nó đang bị tiêu diệt một cách phi lý nhất. Thi sĩ đã xây dựng được bức tranh đậm chất bi tráng về Lorca - bị hành hình dã man và xác bị ném xuống giếng.

▪ Nhân hóa: Tiếng ghi ta rờn rờn máu chảy => Tạo sức ám ảnh mãnh liệt đối với độc giả.

• **Tiếng đàn khẳng định sự bất tử của Lorca**

- “không ai chôn cất tiếng đàn”- Câu thơ gợi nhiều ý nghĩa cần suy ngẫm. Tiếng đàn không thể “chôn cất” được bởi nó là một giá trị tinh thần, sự tồn tại của nó vượt ra ngoài mọi giới hạn vật chất.

⇒ Dập vùi về tinh thần với hy vọng khuất phục vốn là một điều khó, xác định sự tồn tại của nó trong tư duy, trong trái tim con người lại khó hơn, và giết chết nó vốn là điều không thể nằm ngoài tầm tay và ý chí chủ quan của thế giới loài người. Phải chăng, đây chính là một ẩn dụ về thế giới bạo tàn Tây Ban Nha, không nhận biết được những giá trị của Lorca và từ Lorca, đã vùi dập ông. Cái chết về thể xác chúng có thể thực hiện, nhưng tinh thần và ý chí của ông chúng không bao giờ tiêu diệt được.

- so sánh đây ẩn tượng “tiếng đàn như cỏ mọc hoang”. Hình ảnh cỏ mọc hoang gợi sức sống mãnh liệt, không gì ngăn cản được. So sánh này làm bật lên sức sống của tiếng đàn Lorca như một tất yếu bất diệt. Và đó chính là triết lí nghệ thuật của Thanh Thảo đem đến cho người đọc: nghệ thuật nằm ngoài mọi quy luật của băng hoại, chỉ mình nó không thừa nhận cái chết.

- “li - la li - la li - la” ...Chuỗi âm thanh này xuất hiện cuối thi phẩm như một điểm nhấn làm nổi bật hình tượng tiếng đàn. Hòa nhập với chuỗi âm thanh đầu bài thơ làm cho hình tượng tiếng đàn trở nên hoàn thiện. Đồng thời mở ra những liên tưởng về hình tượng mới, hình tượng Lorca với sức sống và khát vọng tự do mãnh liệt, trên nền nhạc băng lắng, chập chờn những yêu thương và những khóc liệt bạo tàn.

⇒ **Tiếng đàn là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Thanh Thảo, thông qua hình tượng, tác giả đã tái hiện chân dung, số phận của Lorca, thể hiện niềm tiếc thương trân trọng của mình với nhà thơ Tây Ban Nha.**

e.2. Hình ảnh Lor-ca, con người tự do với khát vọng cách tân nghệ thuật nhưng đơn độc cô đơn

•Lor- ca được miêu tả trên cái nền rộng lớn của văn hóa Tây Ban Nha:

- Áo choàng đỏ gắt: gợi nhớ tới môn đấu bò tót, nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc của Tây Ban Nha

- Vàng trắng+Yên ngựa.+ Cô gái Di- gan. + Mô phỏng nốt nhạc ghi ta “li-la-li-la-li-la”. Tất cả làm nổi bật không gian văn hóa TBN.

- Tấm áo choàng đỏ gắt giúp ta liên tưởng đến khung cảnh của một đấu trường. Đây không phải trận đấu giữa bò tót và võ sĩ mà là đấu trường quyết liệt giữa công dân Lor-ca cùng khát vọng dân chủ với nền chính trị độc tài, nền nghệ thuật già nua TBN với NT cách tân của Lor-ca.

⇒ Hình tượng Lor- ca nổi bật trên nền văn hóa TBN, đó là con người tự do, là ca sĩ dân gian, cô độc, lang thang hát nghêu ngao cùng tiếng đàn bọt nước cùng với Vàng trắng chệnh choáng, Trên yên ngựa mỏi mòn. Anh dùng tiếng đàn ghi ta để giải bày nỗi đau buồn, khát vọng yêu thương của nhân dân TBN.

• **Cái chết của Lor-ca:** Lor-ca bị bọn phát xít Prăng-cô giết và ném xác xuống giếng để phi tang. Để miêu tả sự việc bi thảm này, Thanh Thảo sử dụng nhiều hình ảnh thực kết hợp với các biện pháp nghệ thuật.

• **Đối lập:**

▪ Tự do của người nghệ sĩ >< Thế lực tàn bạo của phát xít.

▪ Tiếng hát yêu đời, vô tư >< Hiện thực phũ phàng đến kinh hoàng (áo choàng bê bết máu).

▪ Tình yêu, cái đẹp >< Hành động tàn ác, dã man.

- Nhân hóa: Tiếng ghi ta rờn rờn máu chảy => Tạo sức ám ảnh mãnh liệt đối với độc giả.

- Hoán dụ:

▪ Tiếng hát: chỉ Lor-ca.

▪ Tấm áo choàng bê bết đỏ : chỉ cái chết.

- Tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta lá xanh, tiếng ghi ta tròn => Mỗi so sánh này cũng làm nổi bật tình yêu, cái đẹp, cái chết, nỗi đau trong tư tưởng, khát vọng tình cảm của Lor-ca.

⇒ Cái chết bi thảm, đầy oan khuất của Lor-ca gây cho độc giả sự phẫn nộ và sự thương cảm sâu sắc đối với người nghệ sĩ dân gian.

• **Nỗi xót thương và suy tư về cuộc giã từ của Lor-ca:**

- Niềm xót thương Lor-ca chuyển hóa thành niềm tin về sự bất tử của tiếng đàn Lor-ca:

- Tiếng đàn tượng trưng cho NT của Lor-ca. Đó là cái đẹp mà sự tàn ác không thể hủy diệt nổi. Nó sẽ sống, lưu truyền mãi như thứ cỏ dại mọc hoang.

- Tiếng đàn còn là nỗi xót thương của mọi người trước cái chết của một thiên tài.

⇒ Thanh Thảo đã thật sự cảm thông đến tận cùng với Lor-ca. Lor-ca ra đi bất ngờ khiến hành trình cách tân nghệ thuật của ông bị dang dở và con đường ông đã đi qua không ai thực sự hiểu. Lor-ca đã dặn “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta”. Lời dặn đó thể hiện nhân cách nghệ sĩ, tình yêu say đắm với nghệ thuật và tình yêu tha thiết với đất nước TBN của Lor-ca. Ông cho rằng cần phải biết chôn nghệ thuật của ông để thi ca đó không trở thành vật cản trở sự sáng tạo NT giúp NT đi tới, vươn cao hơn.

3. Tổng kết

a. Nội dung

Qua bài thơ, tác giả thể hiện nỗi đau và sự xúc động sâu sắc trước cái chết bi thảm của Lor-ca, người nghệ sĩ khao khát tự do, dân chủ, luôn mong muốn sự cách tân NT và NT phải luôn phát triển không ngừng. Tình yêu con người, nghệ thuật và khát vọng tự do mà Lor-ca hằng ôm ấp là cái đẹp mà sự tàn ác không thể nào hủy diệt được.

b. Nghệ thuật

- Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc.

- Sử dụng hình ảnh, biểu tượng- siêu thực có sức chứa lớn về nội dung.

- Tạo màu sắc Tây Ban Nha rất đậm nét trong bài thơ.

- Kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc.

